

## Giới thiệu về trường mầm non Toyota City, v.v. 豊田市こども園等のご案内



©TV TOKYO

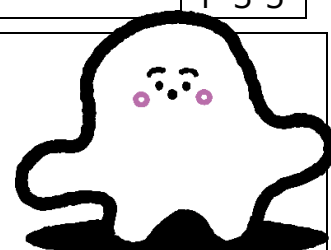
|                                                                                       |       |
|---------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 1 Trường mẫu giáo là                                                                  | P 1   |
| 2 Các lựa chọn vào các trường /mẫu giáo ở Thành phố Toyota                            | P 2   |
| 3 Biểu đồ độ tuổi đi học                                                              | P 2   |
| 4 Trẻ được nhập trường mẫu giáo                                                       | P 3   |
| 5 Bước đầu đăng ký. quy trình nộp đơn cho tới khi nhập học.                           | P 7   |
| 6 Đăng ký nhập học giữa kỳ. quy trình nộp đơn cho tới khi nhập học.                   | P 1 0 |
| 7 Phí giữ trẻ cho các trường mẫu giáo                                                 | P 1 2 |
| 8 Phương thức tính phí cơ bản giữ trẻ                                                 | P 1 4 |
| 9 Phương thức thanh toán phí giữ trẻ                                                  | P 1 5 |
| 10 Chăm sóc trẻ em kỳ nghỉ lễ mùa xuân, mùa hè                                        | P 1 6 |
| 11 Giữ trẻ theo ngày tùy theo yêu cầu                                                 | P 1 7 |
| 12 Ăn trưa                                                                            | P 1 8 |
| 13 Các chi phí khác                                                                   | P 1 8 |
| 14 Phí giữ trẻ chưa được thanh toán                                                   | P 1 9 |
| 15 Ngày nghỉ định kỳ                                                                  | P 2 0 |
| 16 Số lượng học sinh quy định                                                         | P 2 0 |
| 17 Điều chỉnh nhập học                                                                | P 2 1 |
| 18 Tiếp tục đăng ký tại trường trong thời gian nghỉ chăm sóc trẻ em                   | P 2 3 |
| 19 Thời gian nhận quyết định nhập học                                                 | P 2 4 |
| 20 Thay đổi hoàn cảnh gia đình sau khi nhập học                                       | P 2 4 |
| 21 Các hạng mục chú ý khác                                                            | P 2 4 |
| 22 Đối tượng trẻ em được học tập và chăm sóc tại trường mầm non của Tthành phố toyota | P 2 5 |
| 23 Những câu hỏi thường gặp                                                           | P 2 5 |
| 24 Danh sách các trường mẫu giáo (theo thứ tự bảng chữ cái theo khu vực)              | P 3 1 |
| 25 Danh sách các trường mẫu giáo tư thục                                              | P 3 4 |
| 26 Các dịch vụ khác về chăm sóc trẻ em                                                | P 3 5 |

### < Liên hệ >

〒471-8501 Thành phố toyota, Nishimachi, 3-60  
Tòa thị chính Toyota, Phòng chăm sóc trẻ em,  
Nhân viên chăm sóc trẻ em  
T E L (0565)34-6809 《Đường dây trực tuyến》  
F A X (0565)32-2088

### <市ホームページ>

<https://www.city.toyota.aichi.jp/kurashi/kosodateshien/azukari/hoiku/index.html>



シナぶしゅ  
synapusyu

## 1 Trường mẫu giáo là

### Trường mẫu giáo vv, các cơ sở khác đề cập đến (1) ~ (4).

#### (1) Trường mẫu giáo

"Kodomo-en" là tên thống nhất của các cơ sở của các trường mẫu giáo công lập và tư thực ở Thành phố Toyota. Chúng tôi đang cố gắng hoạt động theo cách tích hợp cùng nhau nhưng vẫn giữ được sự khác biệt chức năng cơ bản.

<cách hoạt động hợp nhất>

- Chi phí đóng góp của phụ huynh và tiêu chuẩn nhân sự
- Thống nhất chương trình chăm sóc trẻ em
- Thực hiện dịch vụ giữ trẻ thêm giờ tại các trường mẫu giáo công lập, v.v.

#### (2) Cơ sở chăm sóc trẻ em quy mô nhỏ

Là cơ sở có sức chứa từ 19 người trở xuống để cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em từ 0 ~ 2 tuổi.

#### (3) Cơ sở giữ trẻ tại chỗ

Đây là một cơ sở dịch vụ chăm sóc trẻ em cho phụ huynh tại nơi làm việc cho trẻ em đến tuổi đi mẫu giáo (dành cho nhân viên đang làm việc)

#### (4) Trường mẫu giáo liên kết được cấp phép chứng nhận

Đây là một cơ sở kết hợp chức năng giữa trường mầm non và trường mẫu giáo, và được chia thành hai loại sau.

|                        |                                                                                                            |                                               |
|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Loại hình mẫu giáo cũ  | Các cơ sở được chuyển đổi từ trung tâm giáo dục và chăm sóc trẻ em (Kodomoen) hoặc các cơ sở mới thành lập | Mỗi loại hình có hình thức đăng ký khác nhau. |
| Loại trường mầm non cũ | Chuyển từ hình thức các trường mầm non tư thực                                                             |                                               |

Để biết chi tiết, 【vui lòng tham khảo "(P2) chọn nhập học vào các cơ sở giáo dục trẻ em tại Thành phố Toyota 2】.

<Tham khảo> trường mẫu giáo tư thực

Các trường mẫu giáo tư thực không được đề cập trong hướng dẫn này, nhưng chúng được chia thành hai loại sau.

|                                                                                                   |                                      |                                      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| từ 2015 một số các trường mẫu giáo đã chuyển sang hệ thống hỗ trợ nuôi dạy trẻ em theo chế độ mới | một số trường chuyển sang chế độ mới | Phí giữ trẻ khác nhau tùy từng loại. |
| một số trường mầm non chưa chuyển sang chế độ như trên.                                           | Chế độ trường mầm non cũ             |                                      |

Để biết chi tiết, 【vui lòng tham khảo (P2) lựa chọn vào trường mầm non chăm sóc trẻ bé tại Thành phố toyota 2】.

Danh sách các trường mầm non và trường mẫu giáo tư thực được liệt kê trên các trang 31 ~ 34.

## 2 Các lựa chọn vào các trường /mẫu giáo ở Thành phố Toyota

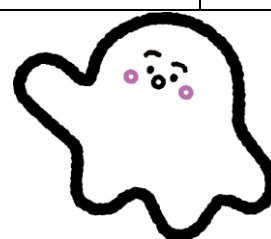
| Phân loại trường                                                                            |                                     | Tuổi nhập học        |                  |                      | Tiêu chuẩn áp dụng, v.v.          |                   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------|------------------|----------------------|-----------------------------------|-------------------|
|                                                                                             |                                     | Trẻ từ<br>0 ~ 2 tuổi | Trẻ từ<br>3 tuổi | Trẻ từ<br>3 ~ 5 tuổi | Cách đăng ký                      | Phí giữ trẻ       |
| Trường mẫu giáo<br>(4 trường mẫu giáo công lập, 59 trường<br>mẫu giáo công lập và tư thục). |                                     | ○※1                  |                  | ○※1                  | thành phố                         | thành phố         |
| trường mẫu giáo quy mô nhỏ (2 trường)                                                       |                                     | ○                    |                  |                      | thành phố                         | thành phố         |
| trường mẫu giáo đào<br>tạo trong doanh nghiệp<br>(2 trường)                                 | Giới hạn khu vực                    | ○                    |                  |                      | thành phố                         | thành phố         |
|                                                                                             | Giới hạn số lượng<br>nhân viên      | ○                    |                  |                      | trường mầm<br>non                 | trường<br>mầm non |
| Trường mẫu giáo liên<br>kết được chứng nhận<br>(26 trường)                                  | Loại hình mẫu<br>giáo cũ            | ○                    |                  | ○                    | thành phố                         | thành phố         |
|                                                                                             | Loại hình mầm<br>non mẫu giáo cũ    | ○                    | ○※1              | ○                    | Thành phố/<br>trường mầm<br>non※2 | thành phố         |
| Trường mẫu giáo tư<br>thực (10 trường)                                                      | Mẫu giáo chuyển<br>đổi hệ thống mới |                      | ○※1              | ○                    | trường mầm<br>non                 | thành phố         |
|                                                                                             | trường theo chế<br>độ cũ            |                      | ○※1              | ○                    | trường mầm<br>non                 | trường<br>mầm non |
| Các dịch vụ chăm sóc trẻ em khác                                                            |                                     | Theo dõi trang P35   |                  |                      |                                   |                   |

※1 Thay đổi tùy theo cơ sở thiết bị.

※2 Đối với trường mẫu giáo liên kết được chứng nhận (loại mẫu giáo cũ), vui lòng đăng ký theo quy định của thành phố cho trẻ 0~2 tuổi, và áp dụng theo phương thức do trường mẫu giáo quy định cho trẻ em từ 3~5 tuổi.

## 3 Biểu đồ độ tuổi đi học

| tuổi đi học | đối tượng                                                             | lớp                 |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 0 tuổi      | Trẻ em sinh sau ngày 2 tháng 4, Reiwa 8                               | lớp sơ sinh         |
| 1 tuổi      | Trẻ em sinh ngày 2 tháng 4, năm Reiwa 7 ~ ngày 1 tháng 4, năm Reiwa 8 |                     |
| Trẻ 2 tuổi  | Trẻ em sinh ngày 2 tháng 4, năm Reiwa 6 ~ ngày 1 tháng 4, năm Reiwa 7 |                     |
| Trẻ 3 tuổi  | Trẻ em sinh ngày 2 tháng 4, năm Reiwa 5 ~ ngày 1 tháng 4, năm Reiwa 6 | lớp 3 tuổi          |
| Trẻ 4 tuổi  | Trẻ em sinh ngày 2 tháng 4, năm Reiwa 4 ~ ngày 1 tháng 4, năm Reiwa 5 | lớp 3 đến 5<br>tuổi |
| Trẻ 5 tuổi  | Trẻ em sinh ngày 2 tháng 4, năm Reiwa 3 ~ ngày 1 tháng 4, năm Reiwa 4 | lớp 5 tuổi          |



## 4 Trẻ được nhập trường mẫu giáo

### (1) Trẻ đủ điều kiện vào trường mẫu giáo

Trẻ em có nguyện vọng đi học và người giám hộ cư trú tại Thành phố Toyota.

Ngoài ra, theo quy tắc tối đa con đến 3 tuổi, người giám hộ phải đủ điều kiện yêu cầu cho nhập học.

### (2) Điều kiện nhập học

| Dựa vào hoàn cảnh của cha mẹ |                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Thời gian, kỳ hạn, v.v.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Tài liệu cần nộp (Giấy chứng nhận yêu cầu, tài liệu đính kèm)<br>*Xem trang 4 và 5.                                                                                                     |
|------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A                            | Việc làm                                                      | Nhân viên chính thức<br>Nhân viên bán thời gian, nhân viên thời vụ<br>Nhân viên hợp đồng qua công ty trung gian<br>Nhân viên hợp đồng<br>Nhân viên tài chính<br>Nhân viên không thường xuyên · nhân viên tạm thời<br>nghịệp vụ uỷ thác<br>tự kinh doanh · nhân viên toàn thời gian tự kinh doanh | mỗi tháng làm việc hơn 60 giờ.<br>tại thời điểm nhập học có kế hoặc đi làm cũng được phép gửi con.<br>* Không được gửi con trong thời gian nghỉ thai sản.<br>(Tham khảo "trang (P23) Tiếp tục đăng ký danh sách mục 18, 23 những câu hỏi thường gặp trong thời gian chăm sóc trẻ em" tham khảo (19) (P29))" <div>điều kiện đăng ký vào các trường, phải điều tra điều kiện công việc của bố mẹ như (nộp phiếu lương, v.v.) khi cần thiết để đảm bảo điều kiện thích hợp (trên trang 24 xem mục "21 Tham khảo các</div> | Giấy chứng nhận việc làm<br>※Về các tài liệu đính kèm dành cho người kinh doanh tự do và người phụ giúp việc kinh doanh của gia đình, vui lòng tham khảo trang 4.                       |
|                              |                                                               | nhận việc làm ở nhà ※ trẻ 0 ~ 2 tuổi không được gửi                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                         |
|                              |                                                               | công việc chăm sóc gia đình (Không lương)<br>※Trẻ em từ 0~2 tuổi không được gửi.<br>※không thể đăng ký lần .                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                         |
| B                            | Sinh con                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Thời gian 5 tháng bao gồm tháng dự sinh, 2 tháng trước và 2 tháng sau tháng dự sinh. ※Trong trường hợp sinh đa thai, thời gian là 9 tháng bao gồm tháng dự sinh, 4 tháng trước và 4 tháng sau tháng dự sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn đăng ký sinh con<br>sổ khám Sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em                                                                                                                                |
| C                            | Bệnh tật<br>Khuyết tật                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Nếu người giám hộ bị bệnh tật hoặc bị khuyết tật về thể chất hoặc tinh thần, hoặc nếu có giấy chứng nhận khuyết tật sau<br>· Giấy chứng nhận khuyết tật về thân thể (chứng chỉ cấp độ 1, cấp độ 2, cấp độ 3)<br>· Sổ ghi chép bệnh tật ( phán quyết A / phán quyết B)<br>· Giấy chứng nhận sức khỏe và phúc lợi cho người khuyết tật tâm thần                                                                                                                                                                          | Giấy chứng nhận bệnh tật hoặc khuyết tật<br>Bản sao sổ tay của bạn (nếu có giấy chứng nhận khuyết tật)<br>※Về các tài liệu đính kèm, vui lòng tham khảo trang 4.                        |
| D                            | Giám hộ<br>Chăm sóc                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Trường hợp người thân chung sống cùng đang cần sự chăm sóc điều dưỡng nên không có khả năng chăm sóc con<br>(không nhận giữ trẻ đang cần sự chăm sóc y tế, điều dưỡng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | do vậy cần giấy chứng nhận điều dưỡng/chăm sóc (đối với người có số điều dưỡng/ chăm sóc cần bản gốc không sử dụng bản photo)<br>※Về các tài liệu đính kèm, vui lòng tham khảo trang 4. |
| E                            | Nhập học                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Thời gian học ít nhất 60 giờ mỗi tháng.<br>Nếu bạn đang theo học tại trường theo quy định luật giáo dục học đường, hoặc bạn đang học nghề tại trường đào tạo nghề (Giới hạn trong trường hợp học nghề với mục đích cho làm việc.)<br>※điều kiện cho A và F tổng lại có thể hơn 60 giờ                                                                                                                                                                                                                                  | Giấy chứng nhận đang học trường học                                                                                                                                                     |
| F                            | Đi nhà trẻ/Đi học                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Nếu trẻ cùng tra mẹ đến trường hoặc tời trường mẫu giáo hoặc (trẻ đang theo học các lớp trung tâm phát triển) áp dụng mỗi tháng hơn 60 tiếng (điều này cũng áp dụng với trẻ đang theo học ở trung tâm phát triển)<br>※điều kiện cho A và E tổng lại có thể hơn 60 giờ                                                                                                                                                                                                                                                  | Giấy chứng nhận đang học mẫu giáo/ đang đi học                                                                                                                                          |
| G                            | Hoạt động tìm việc làm ※ Không chấp nhận đơn đăng ký lần đầu. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Trường hợp nếu bạn tiếp tục tìm việc (bạn phải nộp giấy chứng nhận làm việc trong vòng 2 tháng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn tìm kiếm việc làm<br>Bản photo giấy tiếp nhận việc làm tại hello work                                                                                                               |
|                              | Thiên tai                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Khôi phục nơi cư trú, v.v.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Giấy chứng nhận thiên tai                                                                                                                                                               |

### (3) Về các hồ sơ cần nộp liên quan đến yêu cầu nhập học (giấy chứng nhận yêu cầu)

Vui lòng tải xuống mẫu đơn để nộp (giấy chứng nhận yêu cầu nhập học: giấy chứng nhận yêu cầu) từ trang web của thành phố hoặc lấy tại phòng quản lý giáo dục trường mẫu giáo.

Xin vui lòng xem hướng dẫn điền thông tin và điền vào tờ khai.

Hồ sơ nộp, phải được chứng nhận trong thời hạn 6 tháng và nội dung chứng nhận không thay đổi.



←Click vào đây để tải mẫu đơn và xem hướng dẫn

### (4) Về yêu cầu tuyển sinh và hồ sơ đính kèm.

Đối với những người thuộc diện bệnh tật/ khuyết tật, chăm sóc/ điều dưỡng, người kinh doanh tự do và người phụ giúp việc kinh doanh của gia đình, thì có thể nộp đơn đăng ký mới dù có đính kèm các tài liệu sau đây hay không. Tuy nhiên, việc đính kèm bản sao các tài liệu này có thể giúp gia tăng mức độ ưu tiên khi xét tuyển (chi tiết tham khảo trang 21-22).

Ngoài ra, ngay cả trong trường hợp không có tài liệu đính kèm, chúng tôi có thể yêu cầu nộp các giấy tờ xác minh tình trạng việc làm, v.v. nếu cần thiết.

#### i) Danh sách tài liệu đính kèm

Vui lòng viết tên trường mầm non vào góc trên bên phải của tài liệu đính kèm, hãy ghim tài liệu lại trước khi gửi.

#### ◆Yêu cầu về trường hợp bệnh tật/ khuyết tật, chăm sóc/ điều dưỡng

Tài liệu chứng minh mức độ cần chăm sóc là cấp 3/4/5 hoặc Sổ tay người khuyết tật thể chất cấp 1/2, Sổ tay người khuyết tật tâm thần cấp 1, Sổ tay người khuyết tật trí tuệ mức A

#### ◆Người kinh doanh tự do/ Người phụ giúp việc kinh doanh của gia đình

**[Nếu đăng ký nhập học trước tháng 5/2027 (thời gian đăng ký: trước tháng 3/2027)]**

| Hình thức kinh doanh  | Ngày khai trương                | Tài liệu đính kèm *                              |                                                                   |
|-----------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
|                       |                                 | Ngành nghề: Ngoài các ngành nghề nông lâm nghiệp | Ngành nghề: Nông nghiệp/Lâm nghiệp                                |
| Tự kinh doanh cá nhân | Trước ngày 31 tháng 12 năm 2025 | Tờ khai thuế năm 2025                            | Tờ khai thuế cuối năm 2025 và sổ đăng ký đất nông nghiệp          |
|                       | Sau ngày 1 tháng 1 năm 2026     | Thông báo khai trương                            | Thông báo mở doanh nghiệp và đăng ký cơ sở đất nông nghiệp        |
| Tập đoàn              | Trước ngày 31 tháng 12 năm 2025 | Phiếu khấu trừ thuế trong năm 2025               | Năm 2025 khấu trừ thuế và sổ đăng ký đất nông nghiệp              |
|                       | Sau ngày 1 tháng 1 năm 2026     | Thông báo thành lập công ty                      | Thông báo thành lập doanh nghiệp và đăng ký cơ sở đất nông nghiệp |

**[Nếu đăng ký xét tuyển sau tháng 6/2027 (Thời gian đăng ký: tháng 4/2027 trở đi)]**

| Hình thức kinh doanh  | Ngày khai trương                | Tài liệu đính kèm *                              |                                                                   |
|-----------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
|                       |                                 | Ngành nghề: Ngoài các ngành nghề nông lâm nghiệp | Ngành nghề: Nông nghiệp/Lâm nghiệp                                |
| Tự kinh doanh cá nhân | Trước ngày 31 tháng 12 năm 2026 | Tờ khai thuế năm 2026                            | Tờ khai thuế cuối cùng năm 2026 và sổ đăng ký đất nông nghiệp     |
|                       | Sau ngày 1 tháng 1 năm 2027     | Thông báo khai trương                            | Thông báo mở doanh nghiệp và đăng ký cơ sở đất nông nghiệp        |
| Tập đoàn              | Trước ngày 31 tháng 12 năm 2026 | Phiếu khấu trừ thuế trong năm 2026               | Năm 2026 khấu trừ thuế và sổ đăng ký đất nông nghiệp              |
|                       | Sau ngày 1 tháng 1 năm 2027     | Thông báo thành lập công ty                      | Thông báo thành lập doanh nghiệp và đăng ký cơ sở đất nông nghiệp |

※ Để xác nhận tình trạng việc làm các tài liệu bổ sung có thể được yêu cầu

Ngoài ra, khi nộp giấy chứng nhận yêu cầu, v.v. để tiếp tục học năm sau, nếu đang theo học theo diện lao động A (người tự kinh doanh/ người phụ giúp việc kinh doanh của gia đình), việc đính kèm các tài liệu trên là bắt buộc.

ii ) Chi tiết tài liệu đính kèm

Chi tiết các tài liệu đính kèm như sau. Vui lòng gửi bản sao của tài liệu.

Tờ khai thuế cuối năm: "Khai thuế thu nhập và thuế thu nhập đặc biệt, Bảng 1 và 2"

Báo cáo thành lập doanh nghiệp: "thông báo thành lập/đóng cửa doanh nghiệp cá nhân"

Phiếu khấu trừ thuế: "Phiếu khấu trừ thuế đối với thu nhập từ lương"

Báo cáo thành lập công ty: "Bản đăng ký thành lập công ty"

Sổ chứng nhận đất nông nghiệp: Sổ chứng nhận đất nông nghiệp có tên chính chủ, số ngày làm việc của phụ huynh (không cho phép ngày làm việc là 0)

- \* Chúng tôi có thể yêu cầu nộp các tài liệu có thể xác minh thời gian tiếp nhận, v.v. của cơ quan thuế đối với Tờ khai thuế, Giấy đăng ký kinh doanh, Giấy đăng ký thành lập công ty.
- \* Ngay cả khi bạn không phải là người chịu trách nhiệm chính trong doanh nghiệp, bạn vẫn phải gửi tất cả các tài liệu đính kèm giống như bạn là người chịu trách nhiệm chính.  
Nếu bạn không phải là chủ doanh nghiệp đứng tên trong hồ sơ đính kèm, thì Vui lòng gửi tất cả các tài liệu đính kèm theo cách thức tương tự như chủ doanh nghiệp.  
Nếu cả cha lẫn mẹ đều có tên trong một tài liệu đính kèm, thì chỉ có một tài liệu đính kèm được chấp nhận.
- \* Sổ đăng ký đất nông nghiệp, phải được cấp trong vòng một năm.

**(5) Người giám hộ sống cùng là gì?**

Như bố và mẹ. Ngoài ra, Nếu bố mẹ sau khi ly hôn vẫn tiếp tục chung sống thì vẫn được coi là người giám hộ.

Nếu đứa trẻ được người khác không phải là cha mẹ chăm sóc thì người đó sẽ được coi là người giám hộ.

**(6) Ly hôn là gì?**

Cha, mẹ (ông bà) hiện đang sống ly thân và đang làm thủ tục hòa giải ly hôn sẽ là người giám hộ cho đến khi chính thức ly hôn và sống ly thân.

Tuy nhiên, nếu không thể ly hôn vì nhiều lý do, đang sống ly thân. Đang hòa giải ly hôn, và đã nộp đơn quá 3 tháng, Nếu nộp "Giấy chứng nhận đang chờ phán quyết" do tòa án cấp, người giám hộ có thể bị hủy bỏ.

**(7) Sống cùng là gì**

Không phải hộ gia đình trong hồ sơ cư trú, Để xác định nơi cư trú phải có danh sách người có cùng số nhà, số phòng trong khu chung cư thì được coi là cùng chung sống.

**(8) Sự đối đãi với ông bà trong gia đình**

Không cần điều kiện nhập học.

Trường hợp ví dụ ngoại lệ, tra mẹ không sống cùng con cái, trường hợp này được yêu cầu nếu ông bà đang nuôi đứa trẻ.

Ngoài ra, chỉ khi cả cha và mẹ đều được miễn thuế cư dân thành phố, và bố mẹ sống với ông bà, tiền học phí cho con, tiền ăn sẽ được thay đổi (Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo "8 Phương pháp tính phí" tham khảo trang 14.

Tuy nhiên, trong những trường hợp sau đây, ông bà sống cùng nhà có thể bị tách ra.

Trường hợp quản lý nơi cư trú riêng biệt, vui lòng gửi các tài liệu sau:

| hoàn cảnh sống của ông bà                                                                                                                                      | Giấy tờ phải nộp quản lý nơi ở riêng                                                                                                                                                            |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nếu bạn sống trong một khu khác tòa nhà riêng biệt (các mái nhà không thông nhau)                                                                              | • Biên lai hóa đơn chi phí tiện ích phải có tên khác nhau trong cùng một tháng ( hoá đơn điện, ga, tuy nhiên những nhà dùng hoàn toàn thiết bị điện thì hoá đơn điện).                          |
| nếu sống cùng nhà độc lập nhà thuộc 2 hộ riêng biệt. có cửa chính, nhà vệ sinh, bếp, các phòng riêng biệt (Mỗi hộ gia đình sống trong một không gian độc lập). | • Biên lai hóa đơn chi phí tiện ích phải có tên khác nhau trong cùng một tháng ( hoá đơn điện, ga, tuy nhiên những nhà dùng hoàn toàn thiết bị điện thì hoá đơn điện).<br>Bản vẽ sơ đồ nhà copy |

**(9) Điều chỉnh trường, trường đặc biệt, chuyển từ công lập sang trường tư nhân**

|                            |                                                                                                                            |                                                                                                                     |
|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Điều chỉnh trường          | Các trường cầu nhập học đối với trẻ 4 hoặc 5 tuổi                                                                          | Wakamiya, Iino                                                                                                      |
| Trường đặc biệt            | Trường mầm non tuyển sinh không yêu cầu điều kiện đối với trẻ lớp 3 tuổi                                                   | Obara, Asuke, simoyama, Asahi, Inabu chiku no en, obata, kamitakimi, Tousei, Nakagane, Higashihirose, Hikari, Kise. |
| Chuyển sang trường tư nhân | Các trường liên kết được chứng nhận tuyển sinh không yêu cầu điều kiện nhập học đối với trẻ 3 tuổi (loại hình mẫu giáo cũ) | Ryujin, Unebe, Tsutsumi, Sueno, Takemura, Takane.                                                                   |



## 5 Bước đầu đăng ký, quy trình nộp đơn cho tới khi nhập học.

### (1) Nhập học lần đầu là gì?

Đăng ký lần đầu để có thể nhập học trong tháng tư.

#### ア Đăng ký

Chúng tôi sẽ thông báo cho bạn về cách đăng ký trong thông báo số tháng 9 của Toyota.

Việc đăng ký: đăng ký lần thứ 1 và đăng ký lần thứ 2.

#### イ Ngày bắt đầu đi làm, v.v.

Nếu bạn đi làm trước thứ 3 ngày 12 tháng 5 thì con bạn sẽ thuộc đối tượng đăng ký nhập học tháng 4 do yêu cầu công việc. Về việc thích nghi làm quen với trường, vui lòng xem "câu hỏi 23 thường gặp (6)" ở trang 26.

#### ウ Khác

**Trường hợp có bất kỳ thay đổi nào đối với các tài liệu đã nộp tại thời điểm đăng ký nhập học, vui lòng nhớ thông báo cho bộ phận chăm sóc trẻ em hoặc trường mẫu giáo.**

Nếu phát hiện ra điều kiện nhập học đã thay đổi sau khi đã đảm bảo được suất nhập học, thì con bạn sẽ bị huỷ tư cách nhập trường.

Ngoài ra, tham khảo trang web của thành phố để biết danh sách các trường đã được điều chỉnh trong những năm trước.

**Ngoài ra, chú ý hồ sơ dành cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi vào loại hình liên kết mẫu giáo tư thực (trước đây là loại hình mẫu giáo) trường sẽ phân phát hồ sơ từ tháng 9, do vậy hãy liên hệ trực tiếp với trường để được hướng dẫn cụ thể.**



← [Tham khảo]  
Vui lòng kiểm tra danh sách trạng thái điều chỉnh nhập học của các

### (2) Tuổi nhập học lần đầu cho năm 2026

|                                          |                                          |                 |
|------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------|
| Mizuho, Wakaba, Nursery House            | Trẻ dự kiến sinh trước ngày 31/12/2025   | Từ 4 tháng tuổi |
| Iino                                     | Trẻ dự kiến sinh trước ngày 30/11/2025   | Từ 5 tháng tuổi |
| Các trung tâm khác tiếp nhận trẻ sơ sinh | Trẻ sinh trước ngày 31 tháng 10 năm 2025 | Từ 6 tháng tuổi |

Nếu con bạn sinh sau ngày được nêu trên, con bạn sẽ được nhận vào mẫu giáo giữa chừng.

### (3) Đối với trường mẫu giáo có 5 trẻ đăng ký trở xuống

Theo kết quả của lần nộp đơn đầu, nếu số lượng trẻ đăng ký học trong năm học 2026 từ 5 trẻ trở xuống tại trường, chúng tôi sẽ xem xét đóng cửa trường mẫu giáo.

Xin lưu chúng tôi sẽ liên hệ riêng với các phụ huynh đã nộp đơn vào trường để thông báo.

### (4) Những điểm cần lưu ý khi đăng ký

- Bạn sẽ không thể đăng ký lần đầu nếu bạn đang trong tình trạng tìm kiếm việc làm / hoặc nhân viên gia đình. Vui lòng đăng ký lần 2.
- Không thể đăng ký mới cho con đi học trong giai đoạn nghỉ thai sản ngay cả khi con đủ điều kiện đi học. (tham khảo P29 「23 những câu hỏi thường gặp (19)」).
- Nếu phụ huynh đang nghỉ thai sản chăm sóc con nhỏ, thì con không thể chuyển trường. (Xem trang 23 “18. Tiếp tục ở lại trường trong thời gian nghỉ thai sản”).
- Việc tuyển sinh không dựa trên cơ sở thứ tự đăng ký trước hay sau. Ngoài ra, hình thức tiếp nhận không phụ thuộc ưu tiên thứ tự.
- Các hồ sơ cần nộp khi đăng ký nhập học như (hồ sơ chứng minh đủ điều kiện nhập học, v.v.) hãy copy lưu trữ lại trước khi gửi hồ sơ đi. sau khi vào trường mẫu giáo có thể hồ sơ lưu lại rất cần thiết.
- Đối với trẻ cần chăm sóc y tế hoặc chậm phát triển vận động (ví dụ: chưa biết đi) và cần được hỗ trợ đặc biệt, sẽ có buổi tư vấn trước khi đăng ký. Vui lòng liên hệ Phòng Chăm sóc Trẻ em trước ngày 21 tháng 8 năm 2026.

## (5) Quy trình nộp đơn lần thứ nhất

Từ năm Reiwa 9 (tức năm 2027), chỉ tiếp nhận hồ sơ đăng ký trực tuyến.  
※ Đối với việc đăng ký nhập học vào Kodomoen Hana no Usagi, có một số điểm cần lưu ý.  
Vui lòng tham khảo trang 33, “Những điểm cần lưu ý (5)” để biết chi tiết.

### Tiếp nhận theo hình thức A hoặc B

**<Thời gian tiếp nhận> Từ Thứ Tư, ngày 9 tháng 9 năm 2026 đến Chủ Nhật, ngày 4 tháng 10 năm 2026**

• Mẫu đơn đăng ký sẽ được đăng trên trang web của thành phố (vui lòng quét mã QR bên dưới hoặc tham khảo mã QR dưới đây).

• Có thể đăng ký tối đa đến nguyện vọng thứ 5 đối với cơ sở mong muốn.

• Khi đăng ký, vui lòng tải các mẫu đơn dưới đây từ trang web của thành phố, điền đầy đủ thông tin, sau đó quét (scan) hoặc chụp ảnh rõ nét và đính kèm khi nộp hồ sơ.

① Phiếu ghi chép tình trạng sức khỏe (đối với tất cả người đăng ký)

② Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện của cha và mẹ đang sống cùng trẻ (chỉ áp dụng đối với độ tuổi phải đáp ứng điều kiện nhập học)

※ Về giấy tờ chứng minh đủ điều kiện, vui lòng tham khảo mục “4. Trẻ đủ điều kiện nhập học” ở trang 3-5.

• Nếu hồ sơ không đủ điều kiện để được tiếp nhận, vui lòng bổ sung hoặc chỉnh sửa trước Thứ Bảy, ngày 31 tháng 10. Nếu không hoàn tất việc chỉnh sửa trước thời hạn, hồ sơ đăng ký sẽ được xem như đã bị rút. Ngoài ra, ngay cả sau thời hạn chỉnh sửa, trong trường hợp cần thiết, chúng tôi vẫn có thể đề nghị bạn bổ sung hoặc phối hợp xử lý.

• Vui lòng kiểm tra trang web của thành phố để biết thêm chi tiết.



### **<Từ tháng 10> Thẩm định hồ sơ và điều phối nhập học**

Trường hợp số lượng người đăng ký vượt quá khả năng tiếp nhận, việc điều phối nhập học sẽ được thực hiện theo “17.

Điều phối nhập học (trang 21 trở đi)”.  
↓



←[Tham khảo]  
Vui lòng kiểm tra tình trạng điều chỉnh nhập học

### **<Từ tháng 11> Thông báo kết quả điều phối nhập học và phỏng vấn**

• Khoảng cuối tháng 11, thông báo sẽ được gửi đến những người thuộc diện điều phối.

• Nếu bạn muốn cho trẻ nhập học tại cơ sở đã được dự kiến tiếp nhận, vui lòng gọi điện cho cơ sở để hẹn lịch phỏng vấn và tham gia phỏng vấn. Khi đi phỏng vấn, bắt buộc phải đưa trẻ đi cùng.

• Kết quả xét tuyển sẽ được thông báo bằng văn bản; xin vui lòng hạn chế liên hệ qua điện thoại để hỏi kết quả.  
↓

### **Quyết định nhập học, v.v. <Đầu tháng 1 năm sau>**

• Các bé được nhận vào trường sẽ được gửi thông báo nhập học.

• Tùy thuộc vào nội dung của giấy xác minh yêu cầu, việc thông báo quyết định nhập học có thể bị bảo lưu. Vui lòng tham khảo “(7) Nộp lại giấy chứng nhận cần thiết cho đơn đăng ký nhập học lần đầu (P9)”.

• Nếu bạn chưa chuyển đến Thành phố Toyota, chúng tôi sẽ tạm dừng thông báo về quyết định nhập học của bạn.

Thủ tục chuyển địa chỉ phải được hoàn thành ít nhất 5 ngày trước ngày nhập học.

• Nếu có bất kỳ thay đổi nào về nội dung trong hồ sơ đã nộp khi đăng ký nhập học, vui lòng thông báo ngay cho Phòng Chăm sóc Trẻ em hoặc cơ sở. Trường hợp sau khi đã được giữ chỗ nhập học mà phát hiện có thay đổi, chẳng hạn như thay đổi thời gian làm việc, quyết định tiếp nhận dự kiến có thể bị hủy.

### **Buổi thuyết trình về việc nhập học < từ đầu tháng 2 đến đầu tháng 3 năm sau >**

• Quyết định được nhập học (quyết định chính thức) sẽ được thực hiện tại các trường mẫu giáo.

• Thông tin chi tiết sẽ trường mẫu giáo sẽ thông báo cho các phụ huynh, v.v.  
↓

### **Nhập học (tháng 4 năm sau)**

• Bạn có thể cho con nhập trường theo ngày nguyên vọng hoặc vào ngày lễ khai giảng.

• Ngay cả khi con bạn đến trường sau ngày lễ khai giảng bạn cùng con có thể tham dự lễ khai giảng.

## (6) quy trình đăng ký nguyện vọng 2

Nếu còn chỗ trống sau khi điều chỉnh nhập học cho đơn đăng ký nguyện vọng 1 thì con bạn sẽ được vào bổ xung.

Đối với nguyện vọng 2, theo nguyên tắc chung, trẻ em sẽ được nhận vào sau lễ khai giảng.

**<Từ Thứ Tư, ngày 6 tháng 1 năm 2027 đến Thứ Sáu, ngày 15 tháng 1 năm 2027>  
[Tiếp nhận hồ sơ tại Phòng Chăm sóc Trẻ em], hoặc [gửi đăng ký qua đường bưu điện].**

- Vui lòng nộp mẫu đăng ký tuyển sinh vào các trường, các tài liệu cần thiết của người giám hộ, (ba, mẹ, v.v.) cho việc nhập học.
- Vui lòng tải tài liệu từ trang web của thành phố hoặc lấy hồ sơ từ phòng giáo dục chăm sóc trẻ em, v.v.
- Nếu bạn muốn thay đổi nguyện vọng 1 lựa chọn trường mẫu giáo của con, vui lòng đăng ký nguyện vọng 2.
- Nếu bạn đăng ký nguyện vọng 2, nguyện vọng 1 của bạn sẽ bị hủy.
- Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, hồ sơ phải đến nơi chậm nhất vào Thứ Sáu, ngày 15 tháng 1.
- Nếu số lượng đăng ký vượt quá số lượng có thể được nhận, việc điều chỉnh sẽ được thực hiện theo "Điều chỉnh tuyển sinh 17 (P21~)".
- Xin lưu ý ngày đầu tiếp nhận thường rất đông và có thể thời gian chờ đợi lâu. Ngoài ra, việc tiếp nhận hồ sơ nhập học không thực hiện theo thứ tự đến trước.
- Đối với những người đang cư trú ở nước ngoài tại thời điểm ngày 06 tháng 01, cũng có thể nộp hồ sơ đăng ký trực tuyến. Để biết thêm chi tiết, vui lòng xem trang web của thành phố.



← Bấm vào đây để biết thông tin về các tài liệu cần thiết cho việc đăng ký nguyện vọng 2.

### Thông báo trúng tuyển sẽ vào <Giữa tháng 2>

- Các lớp học sẽ được tổ chức tùy thuộc vào trạng thái đăng ký nguyện vọng 1, Nếu lớp học còn chỗ trống thì bạn có liên hệ với chúng tôi để được đăng ký.
- Kể từ bây giờ, bạn sẽ tiến hành các thủ tục theo quy trình của "Thông báo đăng ký nhập học" sẽ được gửi đến nhà bạn.

## (7) Nộp lại giấy chứng nhận đơn đăng ký nguyện vọng 1

Trong các trường hợp dưới, sau khi có quyết định nhập học, việc nhập học sẽ bị hủy bỏ nếu phụ huynh không nộp lại chứng nhận.

### Hãy chú ý

|                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                         |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 「Bạn có thể quay lại làm việc」 nếu bạn đảm bảo được suất vào trường mẫu giáo cho con trong thời kỳ nghỉ thai sản chăm sóc trẻ.                                                                                                               | Vui lòng xác nhận ngày trở lại làm việc, nộp lại giấy chứng nhận làm việc để chứng minh thời gian nghỉ thai sản đã thay đổi cho trường. |
| Trường hợp 「thời hạn」「ngày tốt nghiệp」 được quyết định trước ngày nhập học., đối với các loại giấy xác nhận bệnh tật, giấy chứng nhận khuyết tật, ý tá, giấy chứng nhận chăm sóc điều dưỡng, giấy chứng nhận đi học, giấy xác nhận mẫu giáo. | Vui lòng nộp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoàn thành từ ngày nhập trường đến ngày tốt nghiệp cho trường mẫu giáo.                       |

## (8) Ngày nhập trường

Ngày nhập học sẽ là ngày đầu tiên trong khoảng thời gian tới trường.

Để biết thêm thông tin về giáo dục chăm sóc trẻ em, vui lòng kiểm tra trang P26 "mục số (6) Câu hỏi Thường gặp trong phần (23)".

Trường hợp bạn thay đổi ngày nhập trường, do xác nhận ngày bạn bắt đầu đi làm thay đổi, sau thời gian nghỉ thai sản, vui lòng liên hệ với trường mẫu giáo để được hướng dẫn.

Việc thay đổi ngày nhập học chỉ được chấp nhận đến hết Thứ Tư, ngày 31 tháng 3.

## (9) Yêu cầu

Có một số phụ huynh sau khi có quyết định nhập trường thì huỷ, do vậy bạn hãy cân nhắc thận trọng việc cần thiết của con bạn tới trường trước khi đăng ký cho con đi học, vì việc bạn huỷ khi có quyết định nhập trường sẽ gây phiền cho người khác.

## 6 Đăng ký nhập học giữa kỳ. quy trình nộp đơn cho tới khi nhập học.

### (1) Nhập học giữa trường

Nhập học giữa chừng là nhập học sau ngày 1 tháng 5.

#### 🗂 Thời gian đăng ký

Đăng ký từ ngày 15 đến cuối tháng (trừ các ngày lễ và ngày thứ 7 chủ nhật) trước 2 tháng so với tháng dự định nhập học (ví dụ ngày 1 tháng 7 năm 2024 nhập học thì khoảng thời gian đăng ký sẽ là từ ngày 15 tháng 5 đến ngày 31 tháng 5)

#### 📅 Ngày nhập học

Có thể nhập học và bắt đầu thời gian làm quen từ 5 ngày làm việc trước khi bắt đầu làm việc (khi phát sinh yêu cầu nhập học). Tuy nhiên, không thể bắt đầu thời gian làm quen từ tháng trước tháng nhập học (Ví dụ: không thể bắt đầu làm quen từ tháng 4 nếu nhập học vào tháng 5). Về thời gian làm quen, vui lòng xem mục "23 Câu hỏi thường gặp (6)" ở trang 26.

#### 🏠 Khác

Nếu tại thời điểm nộp hồ sơ nhập học nếu có sự thay đổi, phải thông báo cho phòng giáo dục chăm sóc trẻ em học trường mầm non mà bé đăng ký học. Trường hợp nếu bị phát hiện yêu cầu nhập học đã thay đổi kể cả sau khi đã đảm bảo được nhập học thì quyết định nhập học có thể bị huỷ bỏ. Đối với trẻ em từ 3 ~ 5 tuổi và trường mẫu giáo tư thục của Trường mẫu giáo loại hình được chứng nhận mẫu giáo hợp tác (loại mẫu giáo cũ), vui lòng liên hệ trực tiếp với trường.

### (2) Quy trình nộp hồ sơ xét tuyển giữ chừng

**(Đăng ký từ ngày 15 đến cuối tháng của hai tháng trước đó so với tháng dự định nhập trường)  
[Tiếp nhận hồ sơ tại Phòng Chăm sóc Trẻ em], hoặc [nhận hồ sơ bằng cách gửi bưu điện]**

- vui lòng nộp mẫu đăng ký nhập học, và các giấy chứng nhận yêu cầu cần thiết nhập học của phụ huynh (tham khảo trang 3).
- Vui lòng tải xuống các tài liệu từ trang web của thành phố hoặc lấy từ phòng giáo dục chăm sóc trẻ em của thành phố.
- Nếu bạn nộp đơn qua đường bưu điện, hồ sơ phải đến vào ngày mở cửa cuối cùng của hai tháng trước đó.
- Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ, những người đang cư trú ngoài Thành phố Toyota hoặc ở nước ngoài cũng có thể nộp hồ sơ đăng ký trực tuyến. Để biết thêm chi tiết, vui lòng xem trang web của thành phố.



←Bấm vào đây để xem các giấy tờ cần thiết để nộp nhập trường.

#### < hàng tháng vào tuần đầu > Điều chỉnh nhập học

- trường hợp số lượng học sinh đăng ký vượt quá số lượng được nhận, hàng tháng vào tuần đầu tiên hồ sơ của các học sinh sẽ được điều tra xem xét, dựa trên mức độ nhu cầu cần thiết nhất của phụ huynh để hướng dẫn làm thủ tục.

#### <trường hợp không còn chỗ trống> chờ đợi

- Bạn sẽ phải chờ cho đến khi có chỗ cho con bạn nhập học.
- Đăng ký nhập học giữa kỳ có giá trị đến cuối năm.

#### <khi phát sinh chỗ trống> Thông báo có chỗ cho con bạn nhập học

- Khoảng ngày 15 của tháng trước tháng nhập học, những bé đã đủ điều kiện nhập học sẽ được gửi giấy trúng tuyển.
- Nếu bạn không thể vào trường vì đang trong kỳ nghỉ thai sản, chúng tôi chỉ gửi thông báo bảo lưu nhập học cho những bạn đăng ký.

#### <Ngày được chỉ định của phòng giáo dục chăm sóc trẻ em>

**Gọi điện thoại để xác nhận nguyện vọng kết quả được nhập trường.**

- Vui lòng liên hệ với chúng tôi qua điện thoại trước hạn chót ghi trên giấy thông báo để xác nhận lại bạn có mong muốn cho bé vào trường mẫu giáo hay không.
- Nếu bạn quyết định vào trường, vui lòng đặt ngày phỏng vấn.

#### < trường chỉ định ngày>

**Nộp đơn đăng ký đến trường mẫu giáo, phỏng vấn, xét duyệt tài liệu.**

- hãy dẫn con tới buổi phỏng vấn ở trường
- Vui lòng nộp đơn đăng ký.
- quyết định nhập học sẽ được thực hiện khi đã hoàn thành mọi thủ tục.

### (3) Những chú ý liên quan về việc tiếp nhận hồ sơ

- Vui lòng copy lưu giữ lại những mẫu đăng ký và các tài liệu liên quan trước khi nộp. Bạn có thể cần đến hồ sơ đó sau khi nhập học.

- Không được đăng ký mới trong thời gian đang nghỉ thai sản mặc dù bé đủ điều kiện đến độ tuổi đi học. (tham khảo P29 「(19) những câu hỏi thường gặp trong phần 23」)

- Trong điều kiện đang nghỉ thai sản bạn không thể thay đổi trường mẫu giáo con đang theo học (tham khảo trang P23 trong mục "18 Tiếp tục học ở trường hiện tại trong thời gian nghỉ thai sản").

- Nhập học không phụ thuộc vào thứ tự đăng ký trước hay sau.

Ngoài ra, không có ưu tiên ưu đãi dưới bất kỳ hình thức tiếp nhận nào.

- Không tiếp nhận hồ sơ nhập học tại các văn phòng chi nhánh.

Vui lòng tham khảo trang 7-10 về cách thức đăng ký.

- Trường hợp nếu bạn huỷ quyết định nhập học thì đồng thời các nguyện vọng vào các trường khác cũng tự động bị huỷ bỏ.

Ngoài ra, Ngoài thời hạn đăng ký bạn không thể đăng ký nộp đơn vào trường mới.

Tuy nhiên, nếu bạn đăng ký ở diện chờ đợi, chúng tôi sẽ chấp nhận thay đổi nguyện vọng trường hay là giấy chứng nhận yêu cầu nhập học ngoài thời hạn đăng ký cũng được chấp nhận.

Với nội dung được chấp nhận ngoài thời gian đăng ký, sẽ được phản ánh từ việc điều chỉnh nhập học hai tháng sau tháng nộp hồ sơ.

### (4) Về việc đăng ký nhập học giữa kỳ phải nộp lại giấy chứng nhận điều kiện xét duyệt hồ sơ.

Trong các trường hợp sau, Nếu bạn không nộp lại các giấy chứng nhận yêu cầu nhập học thì con bạn không có quyết định nhập trường. hãy chú ý

|                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nếu bạn đã đảm bảo suất học cho con, trong kỳ nghỉ thai sản bạn có thể đi làm trở lại ngay, khi trường mẫu giáo có quyết định nhập trường cho con bạn.                        | Xác nhận ngày đi làm trở lại trong thời gian nghỉ thai sản, hãy nộp giấy chứng nhận làm việc và khoảng thời gian nghỉ chăm sóc con tại thời điểm phỏng vấn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| Đối với giấy chứng nhận làm việc, thì "Thời gian làm việc (kế hoạch)" phải được ghi rõ trong giấy chứng nhận việc làm.                                                        | <p>Nếu bạn tiếp tục làm việc ở công ty cũ, bạn vẫn phải nộp giấy chứng nhận làm việc mới.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Trường hợp hết hợp đồng lao động trước thời gian nhập trường, tại thời điểm phỏng vấn, bạn phải nộp giấy chứng nhận làm việc với điều kiện đã gia hạn thời gian trong hợp đồng mới.</li><li>• Trường hợp thời hạn hợp đồng lao động kết thúc sau khi nhập trường: sau khi nhập học phải nộp giấy chứng nhận làm việc.</li></ul> |
| Nếu bạn đã nộp giấy chứng nhận làm việc với "Dự kiến làm việc, v.v."                                                                                                          | Để xác nhận tình trạng việc làm thực tế, v.v., bạn sẽ được yêu cầu nộp giấy chứng nhận việc làm sau khi nhập trường.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Trường hợp xác định thời gian "thời gian" và "ngày tốt nghiệp" xác nhận bệnh tật, giấy chứng nhận khuyết tật, điều dưỡng, giấy chứng nhận điều dưỡng, giấy chứng nhận đi học. | <ul style="list-style-type: none"><li>• Nếu hết thời hạn trước khi nhập học: vui lòng nộp giấy xác nhận làm việc mới tại thời điểm phỏng vấn.</li><li>• Trường hợp hết hạn sau khi nhập trường, bạn vẫn phải nộp giấy xác nhận làm việc mới kể cả con bạn đã nhập trường.</li></ul>                                                                                                                                                                                   |

### (5) Phụ thuộc vào thời kỳ tuyển sinh mà thủ tục hồ sơ cho nhập học năm sau cũng khác.

|                                                                                                            |                                                                                                                                                     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trường hợp con bạn không thể nhập trường vào cuối tháng 10, và muốn chuyển trường mẫu giáo vào năm sau.    | Kiểm tra báo tháng 9 của toyota, vui lòng hoàn tất thủ tục nguyện vọng 1 bằng hình thức đăng ký điện tử.                                            |
| Nếu con bạn nhập học trường mẫu giáo vào cuối tháng 10 và muốn tiếp tục ở lại trường mẫu giáo vào năm sau. | Kiểm tra thông báo do trường mẫu giáo phát vào tháng 9, Vui lòng hoàn tất các thủ tục để được tiếp tục ở trường mầm non, nơi con bạn đang theo học. |

## 7 Phí giữ trẻ cho các trường mẫu giáo

### (1) Các loại phí giữ trẻ

Thời gian giữ trẻ ở trường mẫu giáo được phân làm 4 loại sau đây

|                                    |                                                                                                                                           |
|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| [A] thời gian giữ trẻ cơ bản       | 8:30 sáng đến 3 giờ chiều (Từ thứ Hai đến Thứ Sáu)                                                                                        |
| [B] thời gian giữ trẻ vào sáng sớm | Một số trường đang thực hiện điều này.                                                                                                    |
| [C] Kéo dài thời gian chăm sóc trẻ | Tùy thuộc vào các trường mà hình thức thực hiện cũng khác nhau. Để biết thêm chi tiết, tham khảo, 「24 danh sách trường mẫu giáo (P31~34)」 |
| [D] thời gian giữ trẻ thứ bảy      |                                                                                                                                           |

|                                            |                                                                                                                                                                  |       |                                                                                                                                                                                                  |       |       |       |
|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|-------|
| 7:30                                       | 8:30                                                                                                                                                             | 15:00 | 16:00                                                                                                                                                                                            | 17:00 | 18:00 | 19:00 |
| <b>thời gian giữ trẻ buổi sáng sớm [B]</b> | <b>thời gian chăm sóc trẻ cơ bản [A]<br/>(Các ngày trong tuần: Thứ Hai đến Thứ Sáu)</b><br>Phí hàng tháng dựa vào thuế của bố mẹ nộp cho thành phố.              |       | <b>thêm thời gian gửi con ở trường [C]</b><br>Phí hàng tháng<br>(đến 16:00) 1.000 yên<br>→<br>(đến 17:00) 2.000 yên<br>→ →<br>(đến 18:00) 3.000 yên<br>→ → →<br>(đến 19:00) 4.000 yên<br>→ → → → |       |       |       |
| Phí hàng tháng 1000 yên                    | <b>Giữ trẻ thứ bảy<br/>(thời gian giữ trẻ cơ bản thứ bảy) [D]</b><br>※ một số trường giữ trẻ đến trưa<br>phí hàng tháng là 1600 yên<br>(đến giữ trưa là 800 yên) |       |                                                                                                                                                                                                  |       |       |       |

※ Phí gửi trẻ giành cho trẻ sơ sinh (0-2 tuổi). Phí cho trẻ (3-5 tuổi) là 0 yên.

### (2) [A] Cấp bậc và phí cơ bản

Đây là phí giữ trẻ cơ bản trong khoản thời gian từ 8 giờ 30 sáng đến 3 giờ chiều các ngày trong tuần.

Phí cơ bản sẽ được quy định dựa trên số tiền thu nhập từ thuế thành phố của phụ huynh v.v.

Tuy nhiên, Không được tính các khoản tín dụng khấu trừ thuế khác nhau ngoài các khoản khấu trừ điều chỉnh, (Khấu trừ thuế đặc như đối với các khoản vay mua nhà, thuế nộp, v.v.)

Đối với trường mẫu giáo liên kết được chứng nhận, các trường cơ sở loại nhỏ, cũng như các cơ sở giữ trẻ tại chỗ làm việc, (Chi phí bảo trì cơ sở vật chất, chi phí giáo dục cụ thể của trường, v.v.) và chi phí thực tế sẽ thu ngoài các khoản trên không thay đổi.

Để biết chi tiết về việc thu phí thực tế, vui lòng liên hệ trực tiếp với nhà trường.

| Các cấp bậc | Tỷ lệ thu nhập thuế thành phố | 0-2 tuổi   | 3-5 tuổi |
|-------------|-------------------------------|------------|----------|
| A           | Hộ gia đình nhận phúc lợi     | 0 Yên      | 0 Yên    |
| B01・B91     | Miễn thuế thành phố           |            |          |
| C01・C91     | Dưới 48.600 yên               |            |          |
| C02・C92     | Dưới 57,700 yên               |            |          |
| C03・C93     | Dưới 77,101 yên               |            |          |
| D01         | Dưới 97,000 yên               | 12,000 yên |          |
| D02         | Dưới 169,000 yên              | 15,000 yên |          |
| D03         | Dưới 301,000 yên              | 32,000 yên |          |
| D04         | 301.000 yên trở lên           | 37,000 yên |          |

**(3) [B-D] gửi sáng sớm/ gửi thêm giờ /gửi thứ Bảy (sau đây, gọi là “giữ trẻ vào sáng sớm, v.v.”)**

Việc giữ trẻ vào sáng sớm phụ thuộc vào tình hình công việc giờ giấc của cha mẹ.

**㊦ Trường hợp không thể sử dụng**

Trường hợp có thể giữ trẻ tại nhà, thì trường sẽ không nhận trẻ vào sáng sớm.

※ chi tiết hãy xem 「(P17) 11 loại có thể sử dụng trường tùy theo nhu cầu」

**㊧ Nộp hồ sơ (nộp cho trường)**

- Đơn đăng ký giữ trẻ vào buổi sáng sớm và giữ trẻ trong kỳ nghỉ xuân, v.v. (nhận tại trường mẫu giáo)
- Nộp giấy chứng nhận việc làm (giấy chứng nhận việc làm , v.v.) để chứng minh con cần được gửi sớm để phụ huynh đi làm.

**㊨ Đăng ký**

Việc đăng ký thay đổi hoặc hủy bỏ đăng ký gửi khung giờ sáng sớm, xin vui lòng nộp đơn trước ngày 25 của tháng trước. (ví dụ ngày 1 tháng 7 nhập trường thì trước ngày 25 tháng 6 phải nộp đơn thông báo) .

về nguyên tắc, quá kỳ hạn thì không thể thay đổi.

**㊩ Phí giữ trẻ**

|                               | Trẻ em 0-2 tuổi (chỉ dành cho hạng D)                                                                                         | • Trẻ em 0-2 tuổi<br>(Loại A đến C)<br>• Trẻ em từ<br>3 đến 5 tuổi |
|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| [B] Phí giữ trẻ buổi sáng sớm | Thêm 1.000 yên mỗi tháng<br>*Trường mẫu giáo sẽ nộp thêm phí 500 yên mỗi tháng cho khung giờ từ 8 giờ sáng đến 8 giờ 30 sáng. | 0 yên                                                              |
| [C] Phí giữ trẻ ngoài giờ     | Phí 1.000 yên cho mỗi giờ mỗi tháng.                                                                                          |                                                                    |
| [D] Phí giữ trẻ thứ bảy       | Thêm 1.600 yên mỗi tháng<br>*Trường sẽ tính thêm phí 800 yên mỗi tháng cho khoảng thời gian từ 8:30 sáng đến trưa.            |                                                                    |

**㊪ những nội dung khác**

Đối với trẻ từ 3 đến 5 tuổi đang theo học tại các trường liên kết có chứng nhận, hoặc là dịch vụ chăm sóc trẻ tại nhà (chứng nhận số 1) sẽ không nhận trẻ gửi ngoài giờ.

Tuy nhiên, bạn có thể gửi con tại các trường nhận dịch vụ gửi ngoài giờ, hãy liên hệ trực tiếp với trường để được hướng dẫn.

Để quản lý hợp lý việc gửi giữ trẻ vào buổi sáng sớm, trường mầm non có thể yêu cầu nộp các giấy tờ như phiếu chấm công xác nhận tình trạng làm việc thực tế.



## 8 Phương thức tính phí cơ bản giữ trẻ

### (1) Cách tính phí giữ trẻ cơ bản

Cách tính phí cho trẻ cơ bản sẽ dựa trên cơ sở tiền thuế của phụ huynh đã nộp cho thành phố.

Phụ huynh là đối tượng tính toán

|                   |                                                                                                                                                                                                                      |
|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| ア Bố              |                                                                                                                                                                                                                      |
| イ Mẹ              |                                                                                                                                                                                                                      |
| ウ chủ hộ gia đình | Trường hợp nếu cả bố và mẹ đều được miễn thuế cư trú thành phố, những người ruột thịt có quan hệ huyết thống chung sống cùng nhau, (ông bà, v.v.) và các anh chị là học sinh cấp 3 trở lên, người nộp thuế cao nhất. |

Ngoài ra, trường hợp cha mẹ sống riêng, hay sau khi ly hôn vẫn sống chung thì cha mẹ cũng phải tính.

### (2) Các mức phí giữ trẻ cơ bản

(2) cách tính phí giữ trẻ cơ bản, [A] Dựa trong bảng phí giữ trẻ cơ bản, mức mà tổng số phần trăm thu nhập thuế thành phố của phụ huynh được đánh giá rơi vào mức phí chăm sóc trẻ em ở mức cơ bản.

### (3) Giảm phí giữ trẻ cho hộ nhiều con \*Miễn phí giữ trẻ cho các mức từ A đến C nên chỉ áp dụng cho bậc D.

Đối với những hộ gia đình có nhiều con, tùy theo số lượng trẻ con phí giữ trẻ cơ bản sẽ được giảm.

#### [phán đoán anh em]

Được xác định bằng cách đếm tất cả anh chị em số lượng sinh và số lượng con mà họ có.

Anh chị em sống cùng nhau được coi là có cùng sinh hoạt, trường hợp anh chị em sống riêng không được coi là có cùng sinh hoạt nếu họ đi làm, kết hôn hoặc sống ở nước ngoài.

trường hợp nếu anh chị em sống riêng có cùng sinh hoạt thì phải nộp hồ sơ riêng.

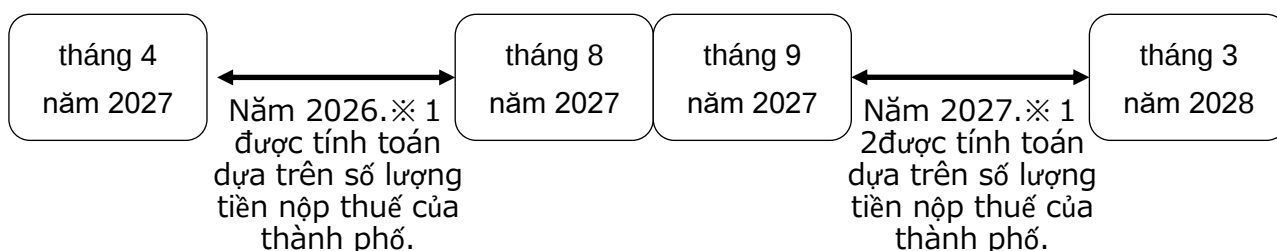
#### [Bảng giảm phí cho hộ nhiều con, trẻ từ 0 đến 2 tuổi]

|                  | mức phí     | Phí gửi con cơ bản | Phí gửi thêm giờ cho con, v.v. |
|------------------|-------------|--------------------|--------------------------------|
| Con thứ nhất     | D01 trở lên | Không giảm         | Không giảm                     |
| Con thứ 2 trở đi | D01 trở lên | 0 yên              | 0 yên                          |

### (4) Tính toán lại phí giữ trẻ cơ bản

Để tính phí giữ trẻ dựa vào tiền nộp thuế mới nhất, hàng năm vào tháng 9 dựa trên cơ sở hàng năm được thay đổi.

Vì vậy, phí giữ trẻ có thể thay đổi từ tháng 9.



- ※ 1 Tỷ lệ phần trăm thuế của thành phố 2026 là bao nhiêu? được dựa trên thể thu nhập từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.
- ※ 2 Tỷ lệ phần trăm thuế của thành phố 2027 là bao nhiêu? được dựa trên thể thu nhập từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026.

## 9 Phương thức thanh toán phí giữ trẻ

Vui lòng thanh toán phí trông trẻ bằng hình thức chuyển khoản.

### (1) Thủ tục

Vui lòng điền các thông tin cần thiết vào "Yêu cầu chuyển khoản tiền thuế thành phố Toyota/Đơn đăng ký thanh toán phí tự động" các hồ sơ này sẽ phát cho bạn tại trường mẫu giáo, vui lòng nộp giấy này tại các ngân hàng mà bạn muốn chuyển tiền hoặc ngân hàng bưu điện.

Ngoài ra, trường mẫu giáo sẽ hướng dẫn bạn cách nộp đơn đăng ký nhập học lần đầu.

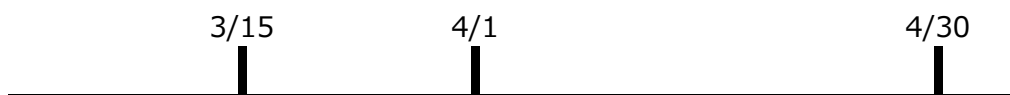
Hạn chót là ngày 15 hàng tháng, phí giữ trẻ tháng tiếp theo sẽ được rút từ tài khoản ngân hàng của bạn.

### (2) Ngày chuyển

Phí giữ trẻ tháng đó sẽ được chuyển đi vào ngày cuối cùng mỗi tháng (tuy nhiên là đối với tháng 12 thì sẽ là ngày 25).

Nếu ngày chuyển khoản rơi vào ngày nghỉ lễ thì ngày làm việc tiếp theo sẽ là ngày chuyển khoản.

(Ví dụ) Nếu bạn muốn chuyển phí giữ trẻ tháng 4 từ tài khoản của mình.

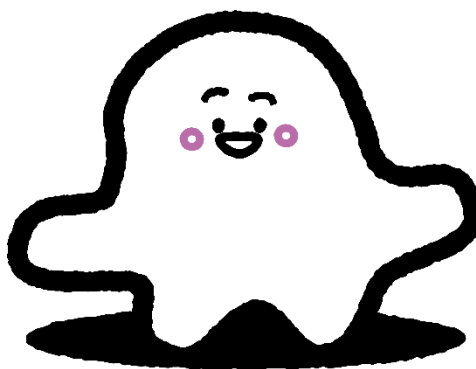


Nếu bạn hoàn tất thủ tục trước ngày 15 tháng 3, phí giữ trẻ tháng 4 sẽ được rút từ tài khoản của bạn.

Phí giữ trẻ tháng 4 sẽ được rút từ tài khoản của bạn vào ngày cuối cùng của tháng 4.

### (3) Khác

Đối với các trường mẫu giáo liên kết được chứng nhận, cơ sở chăm sóc trẻ quy mô nhỏ, trung tâm giữ trẻ tại văn phòng công ty, các trung tâm đều thu phí giữ trẻ, vì vậy vui lòng liên hệ trực tiếp với trường để được tư vấn.



## 1 0 Chăm sóc trẻ em kỳ nghỉ lễ mùa xuân, mùa hè

Trong kỳ nghỉ xuân và nghỉ hè (sau đây gọi là "chăm sóc giữ trẻ trong kỳ nghỉ xuân, v.v."), việc chăm sóc trẻ sẽ được phụ thuộc tình trạng việc làm của phụ huynh (không bao gồm một số trường).

### (1) Trường hợp không thể sử dụng

Nếu bạn có điều kiện chăm sóc con tại nhà thì bạn không thể gửi con tới trường.

\*Để biết thêm chi tiết, vui lòng tham khảo "11 điều kiện cần thiết để sử dụng trường học (P17)".

### (2) Hồ sơ cần nộp (nộp cho trường mẫu giáo)

- Đơn đăng ký giữ trẻ vào buổi sáng sớm, v.v. và giữ trẻ trong kỳ nghỉ xuân, v.v. (được phát tại trường mẫu giáo)

- Điều kiện giấy chứng nhận (giấy chứng nhận việc làm, v.v.)

### (3) Đăng ký

Chúng tôi sẽ tiến hành khảo sát trước khi sử dụng.

Để đăng ký, thay đổi hoặc hủy bỏ dịch vụ chăm sóc trẻ trong kỳ nghỉ xuân, hè, vui lòng nộp đơn đăng ký cho trường mẫu giáo trước ngày 25 của tháng trước khi sử dụng.

Theo nguyên tắc, quá hạn đăng ký sẽ không thể thay đổi.

### (4) Trong thời gian nghỉ xuân, Trẻ không đến trường phí giữ trẻ cơ bản sẽ được tính như sau'

| Phân loại  | Thời gian không gửi trẻ                      | Hàng tháng phí giữ trẻ cơ bản |                                             |
|------------|----------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------|
| Nghỉ xuân  | Lễ tốt nghiệp * Ngày hôm sau ~ 3/31          | Tháng 3                       | Phí giữ trẻ tính theo cơ bản $\times 16/25$ |
|            | Ngày 1 tháng 4 ~* Ngày hôm trước lễ nhập học | Tháng 4                       | Phí giữ trẻ tính theo cơ bản $\times 16/25$ |
| Kỳ nghỉ hè | 7/21~7/31                                    | Tháng 7                       | Phí giữ trẻ tính theo cơ bản $\times 16/25$ |
|            | 8/1~8/31                                     | Tháng 8                       | 0 yên                                       |

※Ngoài các trường mẫu giáo công lập, ngày tốt nghiệp và lễ nhập học có thể khác nhau tùy theo trường. Trong trường hợp đó, trường công lập phí giữ trẻ sẽ được tính cả ngày tổ chức tốt nghiệp, lễ nhập học của trường mẫu giáo.

Để biết thêm chi tiết hãy liên lạc với trường.

### (5) Những nội dung khác

Trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo học tại các trường mẫu giáo liên kết được chứng nhận, trường hợp có thể được chăm sóc tại nhà vào các kỳ nghỉ xuân và đông, (Được chứng nhận loại 1) không đủ điều kiện được tới trường. Tuy nhiên, hãy liên hệ với trường để bạn có thể sử dụng dịch vụ chăm sóc trẻ do mỗi trường mẫu giáo cung cấp.



## 1 1 Giữ trẻ theo ngày tùy theo yêu cầu

Những ngày có thể đến trường phải phù hợp các điều kiện sau. Vui lòng tham khảo ý kiến của trường mẫu giáo về việc có thể gửi con ở trường hay không, vào buổi sáng sớm, và chăm sóc trẻ trong kỳ nghỉ xuân, v.v.

Nếu có khả năng chăm sóc trẻ tại nhà, thì việc gửi trẻ vào sáng sớm, hay các kỳ nghỉ xuân, đều không thể sử dụng.

| Chứng nhận số 1 | Yêu cầu nhập học (tình trạng phụ huynh) |                                      | mức độ khả thi được sử dụng                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                   |
|-----------------|-----------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                 |                                         |                                      | Thời gian chăm trẻ cơ bản                                                                                                                                                                           | trông trẻ thời gian vào sáng sớm hoặc kỳ nghỉ xuân.                                                                                                                                                               |
| Số 2 và 3       | Yêu cầu nhập học (tình trạng phụ huynh) |                                      | <b>Các ngày trong tuần: từ thứ Hai ~ đến thứ sáu</b>                                                                                                                                                | <b>không được sử dụng ※1</b>                                                                                                                                                                                      |
| Chứng nhận      | A                                       | Việc làm                             | <b>Các ngày trong tuần: từ thứ Hai ~ đến thứ sáu</b><br><br>ngày nghỉ phép có lương, những ngày được nghỉ để chăm sóc con trẻ, thời gian làm việc ngắn hạn có thể giành thời gian chăm sóc con trẻ. | <b>Chỉ được gửi con trong những ngày đi làm</b><br>Những ngày nghỉ phép, phụ huynh không đi làm thì việc gửi con sẽ không được nhận ※2                                                                            |
|                 |                                         |                                      |                                                                                                                                                                                                     | <b>Nguyên tắc không được sử dụng</b>                                                                                                                                                                              |
|                 | B                                       | Sinh con                             |                                                                                                                                                                                                     | <b>Được gửi con trong kỳ nghỉ xuân về nguyên tắc, thì không được gửi con lúc sáng sớm</b><br>tuy nhiên, phụ thuộc vào tính chất công việc và hoàn cảnh các gia đình, tình trạng sức khỏe của mẹ vẫn được sử dụng. |
|                 | C                                       | Bệnh tật<br>Khuyết tật               |                                                                                                                                                                                                     | <b>Do bệnh tật, khuyết tật, thì trường sẽ chỉ nhận trông trẻ những ngày cần thiết.</b>                                                                                                                            |
|                 | D                                       | Chăm sóc y tế<br>Chăm sóc điều dưỡng |                                                                                                                                                                                                     | <b>Chỉ những ngày cần điều dưỡng / y tá chăm sóc mới được nhận gửi trẻ.</b>                                                                                                                                       |
|                 | E                                       | Nhập học, đi học                     |                                                                                                                                                                                                     | <b>Chỉ áp dụng vào những ngày tới trường (thư từ trao đổi chỉ áp dụng vào những ngày đang học)</b>                                                                                                                |
|                 | F                                       | Đi mẫu giáo. Đi học                  |                                                                                                                                                                                                     | <b>Chỉ tiếp nhận những ngày cần thiết được chăm sóc</b>                                                                                                                                                           |
|                 | G                                       | Các hoạt động tìm việc làm           |                                                                                                                                                                                                     | <b>Nguyên tắc không được sử dụng.</b><br>tuy nhiên, gửi con để hoạt động tìm việc làm vẫn được gửi con.                                                                                                           |
|                 |                                         | Thảm họa                             |                                                                                                                                                                                                     | <b>Chỉ được gửi trong những ngày quay lại địa chỉ cũ.</b>                                                                                                                                                         |

※1 Trong trường hợp các trung tâm chăm sóc trẻ được chứng nhận hợp tác với các trường mẫu giáo và nhà trẻ, bạn có thể sử dụng dịch vụ chăm sóc trẻ do từng trường mẫu giáo cung cấp.  
 ※2 Trong thời gian nghỉ thai sản, các phụ huynh không được gửi con vào khung giờ sớm và đón muộn.

## 1 2 Ăn trưa

### (1) Bữa ăn trưa của trẻ sơ sinh

Bữa trưa ở trường cho trẻ em từ 0 đến 2 tuổi được chuẩn bị và cung cấp tại mỗi trường.



### (2) Bữa trưa cho trẻ em

Bữa trưa ở trường cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi được chuẩn bị và cung cấp tại các trung tâm chuẩn bị xuất ăn của thành phố.

### (3) Phí ăn trưa ở trường

Trong thành phố Toyota trẻ từ 3 đến 5 tuổi miễn phí tiền ăn (ngoại trừ một số trường hợp).  
Lớp từ 0 đến 2 tuổi đã bao gồm trong phí giữ trẻ.

### (4) Kỳ nghỉ xuân · nghỉ hè, trước và sau tết dương lịch.

Nguyên tắc, bữa trưa sẽ được cung cấp.

Tuy nhiên, đối với trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, trung tâm cung cấp bữa ăn cho trẻ nghỉ hoặc đóng cửa, trường hợp không đủ 10 trẻ, vui lòng mang theo cơm hộp.

### (5) Khác

- Sử lý việc dị ứng thực phẩm, sẽ được bác sỹ phán đoán, xin vui lòng liên hệ với trường để biết thêm chi tiết
- Đối với các sự kiện hoặc dẫn trẻ tham quan học ngoài khuôn viên trường, bạn mang theo bữa trưa của con tới lớp.
- Về chính sách liên quan đến chi phí ăn trưa của trẻ trong trường hợp trẻ không thể nhận suất ăn của thành phố cung cấp vì lý do dị ứng thực phẩm hoặc đang học tại trường mầm non ngoài thành phố, vui lòng xem mục "Trợ cấp chi phí ăn trưa cho trẻ mầm non thành phố Toyota" trên trang web thành phố Toyota.

<Trang web thành phố. Trợ cấp phí ăn trưa cho trẻ mầm non thành phố Toyota Địa chỉ trang web>

<https://www.city.toyota.aichi.jp/kurashi/kosodateshien/teate/1060283.html>



## 1 3 Các chi phí khác

(chi phí hàng tháng ngoài phí giữ trẻ và phí ăn trưa ở trường) Dịch

### (1) Phí hội phụ huynh

Tùy theo các trường mẫu giáo khác nhau thì hoạt động của các hội phụ huynh cũng khác nhau.

### (2) Các chi phí khác.

Phí mua chuyện tranh, hoặc là phí thăm quan khác vv.

Các trường khác nhau thì nội dung cũng khác nhau, muốn biết cụ thể chi tiết hãy liên hệ với trường để được giải đáp.

## 1 4 Phí giữ trẻ chưa được thanh toán

Hãy thanh toán phí giữ trẻ hàng tháng đúng kỳ hạn.

Dưới đây, bạn nhất tiền giữ trẻ chưa được thanh toán thì phát sinh điều gì.

### (1) Phát sinh phí trả chậm

Đối với việc đến kỳ hạn trả phí giữ trẻ nhưng không được thanh toán, thì sẽ phát sinh tiền phí trả chậm.

Để biết thêm chi tiết vui lòng kiểm tra mặt sau của thư nhắc nhở sẽ được gửi tới những đối tượng chưa thanh toán.

**[Đối tượng mất phí giữ trẻ]**

**Tiền phí giữ trẻ, phí trả chậm chưa thanh toán.**

### (2) Thu từ tiền trợ cấp nuôi con

Dựa trên luật trợ cấp trẻ em, trong một khoảng thời gian nhất định phí giữ trẻ không được thanh toán, thì việc yêu cầu tiền trợ cấp nuôi trẻ sẽ được thanh toán cho phí giữ trẻ.

Để thực hiện việc thanh toán từ tiền trợ cấp nuôi con, hãy điền vào đơn xin sử dụng cơ sở vật chất và giáo dục [Mẫu đơn xin thu học phí mẫu giáo liên quan đến trợ cấp nuôi con/trợ cấp đặc biệt] ký tên và phải nộp đơn đăng ký này.

**[Đối tượng mất phí giữ trẻ]**

Tiền phí giữ trẻ, phí trả chậm chưa thanh toán.

**[Những hạng mục chú ý]**

Tùy theo số tiền chưa thanh toán, trợ cấp nuôi con cho anh chị em ruột cũng có thể được sử dụng để thanh toán.

Phí giữ trẻ chưa được thanh toán sẽ trừ vào khoản trợ cấp nuôi con, nếu còn dư sẽ thanh toán phần còn lại chênh lệch.

### (3) Khoản nợ quá hạn sẽ được chuyển cho phòng quản lý nợ của thành phố.

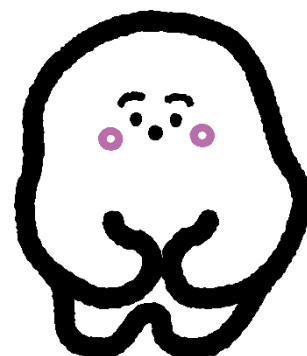
Sau khi nhận giấy yêu cầu thanh toán nợ quá hạn không được thanh toán, dựa vào luật tự quản lý và lệnh thi hành của địa phương, phòng quản lý tín dụng của thành phố sẽ tiến hành thanh toán quá hạn mà không cần báo trước thông qua các thủ tục pháp lý như triệu tập, tịch thu.

**[Đối tượng mất phí giữ trẻ]**

Tiền phí giữ trẻ, phí trả chậm chưa thanh toán.

### (4) Quyết định nhập trường

Trường hợp trước bạn chưa thanh toán phí giữ trẻ (bao gồm cả trẻ đã tốt nghiệp mà chưa được thanh toán), con bạn sẽ không thể vào trường mẫu giáo, vì vậy hãy liên hệ với bộ phận chăm sóc trẻ em và thực hiện thanh toán càng sớm càng tốt.



## 1 5 Ngày nghỉ định kỳ

### (1) Ngày nghỉ

Chủ nhật, ngày lễ, tết (ngày 29 tháng 12 đến ngày 03 tháng 01 năm sau).

Tuy nhiên, một số trường đóng cửa vào các ngày thứ 7 và kỳ nghỉ hè (từ ngày 21 tháng 7 đến ngày 31 tháng 8). kỳ nghỉ xuân (từ ngày lễ tốt nghiệp đến ngày khai giảng).

### (2) Các trường chăm trẻ vào ngày thứ 7

Các trường mẫu giáo giữ trẻ vào thứ bảy có thể đóng cửa nếu không có trẻ tham gia.

### (3) Những mục khác

Các trẻ từ 3 đến 5 tuổi đang học ở những trường liên kết có giấy chứng nhận, không cần yêu cầu tới trường mẫu giáo (chứng nhận loại 1), các trường mẫu giáo đều có những ngày nghỉ quy định do vậy hãy liên hệ tới trường để được giải đáp cụ thể.

## 1 6 Số lượng học sinh quy định

### (1) Số lượng quy định

Để chăm sóc từng đứa trẻ một cách chu đáo, các trường mẫu giáo cũng giới hạn số lượng như các lớp học, (giới hạn số lượng trẻ em trên một giáo viên) như dưới đây.

Ngoài ra, đối với trẻ trên 3 tuổi được tham gia nhiều hoạt động nhóm hơn, khi cần thiết nhân viên chăm sóc trẻ bổ sung sẽ được điều thêm.

Hơn nữa, Số lượng lớp học sẽ được xác định dựa trên đơn đăng ký nhập học ban đầu.

| lớp học                               | trẻ 0 tuổi | trẻ 1.2 tuổi | đứa trẻ 3 tuổi                                                                | đứa trẻ 4 tuổi | đứa trẻ 5 tuổi |
|---------------------------------------|------------|--------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| Số lượng giáo viên trên số lượng trẻ. | 3 người    | 5 người      | 12 người                                                                      | 25 người       | 25 người       |
|                                       |            |              | Cứ 3 trẻ em được quan tâm đặc biệt sẽ được cử thêm một giáo viên bổ xung. * ① |                |                |

### (2) Nhân viên chăm sóc trẻ bổ sung

#### ア Vai trò

Bất kể trẻ có hay không có khuyết tật, để trẻ có thể sinh hoạt trong môi trường tập thể tại cơ sở, nhà trường sẽ phối hợp với giáo viên phụ trách lớp để thực hiện các hỗ trợ cần thiết.

Nhà trường sẽ hỗ trợ để các trẻ cùng học tập, sinh hoạt và phát triển cùng nhau trong lớp.

#### イ Hình thức bổ xung giáo viên

Bất kể trẻ có hay không có khuyết tật, đối với những trẻ cần được quan tâm và hỗ trợ đặc biệt, nếu được xác định là cần bố trí giáo viên hỗ trợ bổ sung thì cơ sở sẽ sắp xếp giáo viên.

\*Về nguyên tắc, tiêu chuẩn bố trí được áp dụng theo bảng \* ① ở trên.

## 1 7 Điều chỉnh nhập học

### (1) Điều chỉnh nhập trường

#### ア quy định

Số lượng trẻ đăng ký vượt quá số lượng quy định tuyển sinh, việc điều chỉnh nhập học sẽ được thực hiện.

• Đăng ký nhập học lần đầu: Việc tuyển sinh sẽ được điều chỉnh theo tiêu chí thứ tự lựa chọn trong Bảng 1 và 2 đính kèm, của trường mẫu giáo nguyện vọng nhập học.

• Tuyển sinh giữa kỳ: Việc tuyển sinh sẽ được điều chỉnh dựa vào bảng 1 và 2 đính kèm.

※ Trẻ có đủ điều kiện tiêu chí nhập học sẽ được ưu tiên hơn so với trẻ không đủ điều kiện tiêu chí nhập học.

#### イ Trường hợp ngoại lệ

Đối với trẻ em từ 3 đến 5 tuổi tại các trường mẫu giáo Ryujin, Unebe, Tsutsumi, Sueno, Takemura và Takane, việc nhập học sẽ được xác định theo thứ tự sau.

① Nguyên vọng 1 có anh, chị, em gái đang học tại trường mẫu giáo (tuy nhiên, trong trường hợp đăng ký lần đầu, trẻ 5 tuổi hiện tại sẽ không được tính)

② Sống trong khu có trường tiểu học

|                          |                                                                                       |                          |                          |
|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Trường mẫu giáo Ryujin   | Trường tiểu học Yamanote,<br>Trường tiểu học Takemura,<br>Trường tiểu học Tsuchibashi | Trường mẫu giáo Sueno    | Trường tiểu học Sueno    |
| Trường mẫu giáo Unebe    | Trường tiểu học Unebe                                                                 | Trường mẫu giáo Takemura | Trường tiểu học Takemura |
| Trường mẫu giáo Tsutsumi | Trường tiểu học Tsutsumi                                                              | Trường mẫu giáo Takane   | Trường tiểu học Takamine |

③ Sống khu vực ngoài trường tiểu học

Trường hợp số học sinh đăng ký vượt quá chỉ tiêu, số lượng học sinh tuyển sẽ được điều chỉnh theo bảng số 1 và số 2 đính kèm.

Ngoài ra, nếu bạn có chứng nhận trợ cấp giáo dục chăm sóc trẻ em, đề nghị nộp giấy chứng nhận chứng minh đủ điều kiện nhập học đối với các phụ huynh có đủ điều kiện.

#### [Phụ lục 1 Bảng tiêu chí tuyển chọn] (Nhập học không yêu cầu điều kiện)

| phân loại                | Nội dung                                                                                                                                                                                                           | chỉ số | điểm số |
|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|---------|
| Khu trường tiểu học      | Trẻ có nguyện vọng 1 là kodomoen hoặc cơ sở tương tự nằm trong khu vực trường tiểu học theo địa chỉ cư trú Trường hợp trong khu vực tiểu học không có trường mầm non, hãy lựa chọn trường gần nhà bạn nhất có thể. | 5      |         |
| Tình trạng anh chị em    | Ngày tiêu chuẩn ※ tại thời điểm anh chị em ruột đang theo học trường có nguyện vọng 1 . tuy nhiên, Trường hợp nhập học lần đầu hoặc nhập học vào giữa tháng 5, ngoại trừ trẻ hiện tại là 5 tuổi.                   | 7      |         |
|                          | Anh chị em đăng ký cùng lúc và chọn cùng một trường mẫu giáo nguyện vọng 1 cùng một trường.                                                                                                                        | 5      |         |
|                          | Tại thời điểm nguyện vọng nhập học có nhiều trẻ sinh đôi sinh ba học sinh mẫu giáo.                                                                                                                                | 10     |         |
| Hoàn cảnh gia đình       | Hoạt động hộ gia đình phúc lợi                                                                                                                                                                                     | 10     |         |
|                          | Hộ gia đình “chỉ giành cho hộ gia đình” chỉ có cha và con hoặc mẹ và con                                                                                                                                           | 10     |         |
|                          | Hộ gia đình cha và con hoặc mẹ và con                                                                                                                                                                              | 5      |         |
| Những hoàn cảnh đặc biệt | Khi thị trưởng thành phố nhận thấy rằng cần điều chỉnh đặc biệt nhìn từ góc độ phúc lợi trẻ em của thành phố.                                                                                                      | tùy ý  |         |
| điểm                     |                                                                                                                                                                                                                    |        |         |

Ngày tiêu chuẩn ※ giai đoạn đầu tiên: Thời hạn cuối cùng để nộp hồ sơ, giai đoạn 2: giữa trường, ngày đăng ký.

[Phụ lục 2 điều kiện cơ bản tuyển chọn] (Áp dụng điều kiện tuyển sinh)

| phân khu                                                 |                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                | Nội dung *Nếu chỉ ghi thời gian làm việc ngắn ngắn thì chỉ được ghi con trong thời gian ngắn đó                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | chỉ số         | bố           | mẹ   |  |
|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------|------|--|
| A                                                        | làm việc                                               | nhân viên toàn thời gian công việc bán thời gian, làm thêm                                                                                                                                                                                                                     | Làm việc 160 giờ trở lên mỗi tháng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 40             |              |      |  |
|                                                          |                                                        | Nhân viên haken                                                                                                                                                                                                                                                                | Làm việc 140 giờ trở lên và ít hơn 160 giờ mỗi tháng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 36             |              |      |  |
|                                                          |                                                        | Nhân viên hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                             | Làm việc 120 giờ trở lên và ít hơn 140 giờ mỗi tháng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 34             |              |      |  |
|                                                          |                                                        | Nhân viên kế toán tài chính                                                                                                                                                                                                                                                    | Làm việc 100 giờ trở lên và ít hơn 120 giờ mỗi tháng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 32             |              |      |  |
|                                                          |                                                        | Nhân viên bán thời gian/nhân viên tạm thời nhân viên ủy thác                                                                                                                                                                                                                   | Làm việc 80 giờ trở lên và ít hơn 100 giờ mỗi tháng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 30             |              |      |  |
|                                                          |                                                        | Chủ tự kinh doanh (có hồ sơ đính kèm) *1                                                                                                                                                                                                                                       | Làm việc 60 giờ trở lên và ít hơn 80 giờ mỗi tháng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 28             |              |      |  |
|                                                          |                                                        | Người lao động toàn thời gian tự làm chủ (có tài liệu đính kèm)                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                |              |      |  |
|                                                          | Chủ tự kinh doanh (không có tài liệu đính kèm)         | Làm việc 60 giờ trở lên mỗi tháng                                                                                                                                                                                                                                              | 20                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                |              |      |  |
|                                                          |                                                        | Người lao động toàn thời gian tự làm chủ (không có tài liệu đính kèm)                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                |              |      |  |
|                                                          |                                                        | Nhân viên gia đình (không được trả lương)                                                                                                                                                                                                                                      | Làm việc 60 giờ trở lên mỗi tháng (Không thể nộp đơn đăng ký lần một)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 10             |              |      |  |
| B                                                        | sinh con                                               | Nhận việc về nhà làm                                                                                                                                                                                                                                                           | Làm việc 60 giờ trở lên mỗi tháng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 20             |              |      |  |
|                                                          |                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                |              |      |  |
|                                                          | C                                                      | sinh con                                                                                                                                                                                                                                                                       | (Tháng sinh dự kiến: năm      tháng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 40             |              |      |  |
|                                                          |                                                        | bệnh tật, khuyết tật                                                                                                                                                                                                                                                           | Không có khả năng chăm sóc trẻ em do phải nhập viện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 40             |              |      |  |
|                                                          | D                                                      | Chăm sóc điều dưỡng/Điều dưỡng                                                                                                                                                                                                                                                 | Ngay cả thời gian ngắn cũng không thể chăm con, Hoặc số ghi chép *2 có                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 36             |              |      |  |
|                                                          |                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                | Khắc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 28             |              |      |  |
|                                                          | E                                                      | đang đi học                                                                                                                                                                                                                                                                    | Cần liên tục chăm sóc điều dưỡng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 36             |              |      |  |
|                                                          |                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                | yêu cầu chăm sóc điều dưỡng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 28             |              |      |  |
|                                                          | F                                                      | đang đi mẫu giáo/trường học *3                                                                                                                                                                                                                                                 | Làm việc 140 giờ trở lên mỗi tháng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 36             |              |      |  |
|                                                          |                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                | Làm việc 60 giờ trở lên và ít hơn 140 giờ mỗi tháng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 20             |              |      |  |
| G                                                        | hoạt động tìm kiếm việc làm                            | Hiện đang tìm việc hoặc dự định tìm việc (không thể nộp hồ sơ lần một)                                                                                                                                                                                                         | 10                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                |              |      |  |
|                                                          |                                                        | thiên tai                                                                                                                                                                                                                                                                      | Nhập lại địa chỉ cũ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 40             |              |      |  |
|                                                          | Trong trường hợp A/E                                   | Thành tích làm việc vv                                                                                                                                                                                                                                                         | 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                |              |      |  |
| Trong trường hợp C/D                                     | Xác định mức độ cần chăm sóc (có tài liệu đính kèm) *4 | •Trường hợp đối tượng thuộc mức độ cần chăm sóc 3, 4, 5 tại thời điểm tham chiếu*5                                                                                                                                                                                             | 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                |              |      |  |
|                                                          |                                                        | •Trong trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận khuyết tật thể chất hạng 1 hoặc 2, Giấy chứng nhận khuyết tật tâm thần hạng 1, hoặc Giấy chứng nhận khuyết tật trí tuệ loại A tại thời điểm tham chiếu*5                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                |              |      |  |
|                                                          |                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | tổng số phụ    |              |      |  |
| Trong bố hoặc mẹ, ai có số điểm thấp hơn thì đăng nhập → |                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | ①              |              |      |  |
| ② chỉ số gia tăng                                        | tình trạng anh chị em                                  | Ngày tiêu chuẩn ※5 tại thời điểm nguyện vọng vào trường thứ nhất có anh chị em đang học tại trường. Tuy nhiên, trẻ nhập học lần đầu vào giữa tháng 5, ngoại trừ trẻ em 5 tuổi. Hơn nữa, Sẽ không được cộng điểm cho nhân viên gia đình và đang hoạt động tìm kiếm việc làm. *5 | 7                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                |              |      |  |
|                                                          |                                                        | Anh chị em đăng ký cùng lúc và chọn cùng một trường mẫu giáo lựa chọn đầu tiên. Hơn nữa, Sẽ không được cộng điểm cho nhân viên gia đình và đang hoạt động tìm kiếm việc làm.                                                                                                   | 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                |              |      |  |
|                                                          |                                                        | Bạn có nhiều trẻ mầm non đăng ký vào thời điểm bạn muốn nhập học.                                                                                                                                                                                                              | 10                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                |              |      |  |
|                                                          | tình trạng hộ gia đình                                 | Hoạt động hộ gia đình phúc lợi                                                                                                                                                                                                                                                 | 10                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                |              |      |  |
|                                                          |                                                        | Hộ gia đình “chỉ giành cho hộ” chỉ có cha và con hoặc mẹ và con                                                                                                                                                                                                                | 10                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                |              |      |  |
|                                                          |                                                        | Hộ gia đình cha và con hoặc mẹ và con                                                                                                                                                                                                                                          | 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                |              |      |  |
|                                                          | trẻ có hoàn cảnh đặc biệt *6                           | Nguyện vọng có trường nhận trường có khả năng nhận trẻ em”*7]trẻ em cần được chăm sóc y tế và trẻ em cần hỗ trợ về phương tiện đi lại. *7                                                                                                                                      | 15                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                |              |      |  |
|                                                          |                                                        | Tốt nghiệp mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                            | Trẻ em tốt nghiệp từ các trường mẫu giáo chi nhánh (thứ 2 Ibobara, thứ 2 Seisho, thứ 2 Wakaba) đến 2 tuổi và mong muốn từ tháng 4 vẫn được tiếp tục được chăm sóc tại trường mẫu giáo chính (Ibobara, Seisho, Wakaba).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 20             |              |      |  |
|                                                          | tổng số phụ                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                | ②            |      |  |
|                                                          | ③ những nội dung khác                                  | Giáo viên mầm non                                                                                                                                                                                                                                                              | Giáo viên mầm non tại các cơ sở mầm non, v.v. (bao gồm cả cơ sở giữ trẻ cần đăng ký - trong trường hợp làm việc ngoài thành phố, cần điều chỉnh với thành phố đó) hoặc dự định làm việc với tư cách là giáo viên mẫu giáo/ giáo viên mầm non thì điểm hồ sơ là 88 điểm bất kể điểm số mục ※① và ② là bao nhiêu. Tuy nhiên, không áp dụng cho trường hợp không phải nhân viên chính thức và có thời gian làm việc dưới 120 giờ/tháng (trong trường hợp có ghi chú về thời gian làm việc ngắn do nuôi con nhỏ thì áp dụng thời gian đó). Ngoài ra, không áp dụng nếu một trong hai phụ huynh là nhân viên gia đình hoặc đang tìm việc. | 88             |              |      |  |
| tiếp tục ở trường hiện tại                               |                                                        | Trẻ nhập học mẫu giáo vào tháng 11, Những người muốn đăng ký vào cùng một trường mẫu giáo từ tháng 4 (chỉ tuyển sinh lần đầu),★Không tính số điểm ① và ② là 77 điểm.                                                                                                           | 77                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                |              |      |  |
| Trường hợp đặc                                           |                                                        | Thị trường thành phố nhận thấy việc cần thiết phải điều chỉnh đặc biệt xét từ góc độ phúc lợi trẻ em v.v.                                                                                                                                                                      | Thích hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                |              |      |  |
|                                                          |                                                        | Cột xác nhận                                                                                                                                                                                                                                                                   | Người tính toán                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Người xác nhận | ①+② (hoặc ③) | điểm |  |

\*1 Người tự kinh doanh, người tự kinh doanh bằng chuyên môn, Tờ khai thuế cuối năm trước, hoặc thông báo kinh doanh của năm trước đó, Người tự kinh doanh, người tự kinh doanh có ngành nghề chuyên môn là nông nghiệp: Ngoài ra thêm thông tin bên trái, số đăng ký đất nông nghiệp ngành nghề nông nghiệp.

\*2 Giấy chứng nhận khuyết tật về thân thể (chứng chỉ cấp độ 1, cấp độ 2, cấp độ 3) -Số ghi chép bệnh tật ( phân quyết A / phân quyết B)

\*3 Giấy chứng nhận sức khỏe và phúc lợi cho người khuyết tật tâm thần

\*4 Trường hợp có kèm theo giấy chứng nhận việc làm và giấy chứng nhận đi học mẫu giáo hoặc trường học dưới 60 giờ mỗi tháng. Tổng số giờ được gửi con tương ứng với số giờ ""công việc"" tương ứng."

\*5 Tài liệu chứng minh mức độ cần chăm sóc là cấp 3/4/5 hoặc Số tay người khuyết tật thể chất cấp 1/2, Số tay người khuyết tật tâm thần cấp 1, Số tay người khuyết tật trí tuệ mức A

\*6 Ngày tiêu chuẩn : Ngày đầu tiên thứ 1: Ngày hết hạn nộp hồ sơ cuối cùng, Ngày đầu tiên thứ 2, giữa trung, : Ngày tiếp nhận

\*7 Trẻ em thành phố được công nhận bởi trường mẫu giáo công lập của thành phố được thảo luận và bảo trợ JỦy ban đánh giá chăm sóc y tế các trường mẫu giáo công lập thành phố toyota]

"chăm sóc y tế Trẻ em : hàng ngày, Trẻ cần nuôi ăn bằng ống tới thẳng dạ dày, hút đờm, sử dụng máy thở nhân tạo, đặt ống thông tiểu y tế, hoặc các hoạt động hỗ trợ y tế khác."

Trẻ cần hỗ trợ vận động: Trẻ chậm phát triển về vận động như không biết đi và cần một số hình thức hỗ trợ cho khả năng vận động.

\*7 Các trường nhận số lượng trẻ có thể thay đổi tùy theo năm, vì vậy vui lòng liên hệ với trung tâm quản lý trẻ em.

## 1 8 Tiếp tục đăng ký tại trường trong thời gian nghỉ chăm sóc trẻ em

Trường hợp phụ huynh nghỉ chăm con (chế độ nghỉ chăm con) để chăm sóc một người con khác không phải là trẻ đang theo học tại cơ sở, nếu đáp ứng các điều kiện dưới đây thì trẻ đang theo học vẫn có thể tiếp tục học tại cơ sở hiện tại.

※ Các điều kiện dưới đây chỉ áp dụng đối với nhóm tuổi cần đáp ứng điều kiện nhập học.

Đối với độ tuổi không yêu cầu điều kiện nhập học, trẻ có thể tiếp tục theo học mà không phụ thuộc vào các điều kiện dưới đây. (Tham khảo mục "24. Danh sách các trường mầm non và các cơ sở tương tự" trang 31-33, phần "Độ tuổi yêu cầu điều kiện nhập học".)

### (1) Điều kiện

① Phụ huynh phải quay trở lại làm việc sau thời gian nghỉ chăm con trước khi trẻ đang theo học đến tuổi vào tiểu học

② Sau khi quay trở lại làm việc, trẻ phải tiếp tục đi học tại cơ sở đang theo học (không được chuyển cơ sở trong thời gian nghỉ chăm con)

### (2) Hồ sơ cần nộp

|                                 |                                                                                                                                                                                                                                              |
|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trước khi bắt đầu nghỉ chăm con | <ul style="list-style-type: none"> <li>Giấy chứng nhận việc làm của phụ huynh nghỉ chăm con (bắt buộc phải ghi rõ thời gian nghỉ chăm con)</li> <li>Phiếu đồng ý liên quan đến điều kiện nghỉ chăm con (được phát tại từng cơ sở)</li> </ul> |
| Sau khi bắt đầu nghỉ chăm con   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Giấy chứng nhận việc làm của phụ huynh đã nghỉ chăm con (cần ghi rõ thời gian nghỉ chăm con)</li> <li>※ Giấy chứng nhận phải được cấp sau ngày kết thúc thời gian nghỉ chăm con</li> </ul>            |

### (3) Những điểm cần lưu ý khi sử dụng

• Chỉ được sử dụng trong khung giờ chăm sóc cơ bản vào ngày thường; không được sử dụng dịch vụ giữ trẻ buổi sáng sớm, giữ trẻ ngoài giờ, giữ trẻ thứ Bảy và giữ trẻ trong kỳ nghỉ xuân hoặc kỳ nghỉ hè.

• Nếu bị xác định là không có ý định tiếp tục cho trẻ theo học đến khi quay trở lại làm việc sau thời gian nghỉ chăm con vì các lý do như chuyển nhà, có nguyện vọng chuyển cơ sở hoặc nghỉ việc, thì trẻ sẽ phải thôi học ngay lập tức.

• Ngoại trừ lớp 5 tuổi của trường mầm non Wakamiya và trường mầm non Iino, các độ tuổi yêu cầu điều kiện nhập học sẽ không được nhập học mới trong thời gian phụ huynh nghỉ chăm con.

### (4) Đối với các cơ sở chỉ nhận trẻ đến 2 tuổi

Trong thời gian phụ huynh nghỉ chăm con, trẻ có thể tiếp tục theo học tối đa cho đến khi tốt nghiệp tại trường hiện đang học. Sau khi tốt nghiệp, nếu mong muốn nhập học vào cơ sở khác thì chỉ có thể đăng ký nhập học mới khi có điều kiện phù hợp ngoài lý do nghỉ chăm con.

### (5) Ví dụ cụ thể về trường hợp có thể tiếp tục theo học

① Trường hợp tại cơ sở yêu cầu điều kiện nhập học đến hết lớp 3 tuổi, và phụ huynh quay trở lại làm việc sau thời gian nghỉ chăm con trước khi trẻ đến tuổi vào tiểu học → Có thể tiếp tục theo học

| tuổi đi học                        | Độ tuổi cần đáp ứng điều kiện nhập học |          |               |            | Độ tuổi không cần đáp ứng điều kiện nhập học       |            | Sau khi vào học tiểu học |
|------------------------------------|----------------------------------------|----------|---------------|------------|----------------------------------------------------|------------|--------------------------|
|                                    | 0 tuổi                                 | 1 tuổi   | Trẻ 2 tuổi    | Trẻ 3 tuổi | Trẻ 4 tuổi                                         | Trẻ 5 tuổi |                          |
| Điều kiện nhập học                 | Việc làm                               | Sinh con | Nghỉ chăm con |            | Làm việc (quay trở lại làm việc sau nghỉ chăm con) |            |                          |
| Có thể tiếp tục theo học hay không | Có thể                                 |          | Có thể        |            | Có thể                                             |            |                          |

② Trường hợp tại cơ sở chỉ tiếp nhận trẻ đến 2 tuổi, và phụ huynh quay trở lại làm việc trước khi trẻ đến tuổi vào tiểu học

→ Có thể tiếp tục theo học cho đến khi tốt nghiệp. Sau khi tốt nghiệp, nếu muốn nhập học vào cơ sở khác (loại cơ sở yêu cầu đáp ứng điều kiện đối với trẻ đến 3 tuổi), thì có thể nộp đơn nếu đáp ứng các điều kiện đó. Nếu vẫn đang nghỉ chăm con và không có lý do nào khác thì không thể nhập học.

| tuổi đi học                        | Độ tuổi cần đáp ứng điều kiện nhập học |          |                                 |            | Độ tuổi không cần đáp ứng điều kiện nhập học       |            | Sau khi vào học tiểu học                   |
|------------------------------------|----------------------------------------|----------|---------------------------------|------------|----------------------------------------------------|------------|--------------------------------------------|
|                                    | 0 tuổi                                 | 1 tuổi   | Trẻ 2 tuổi                      | Trẻ 3 tuổi | Trẻ 4 tuổi                                         | Trẻ 5 tuổi |                                            |
| Điều kiện nhập học                 | Việc làm                               | Sinh con | Nghỉ chăm con                   |            | Làm việc (quay trở lại làm việc sau nghỉ chăm con) |            |                                            |
| Có thể tiếp tục theo học hay không | Có thể                                 |          | Có thể (cho đến khi tốt nghiệp) |            | Không thể thực hiện được                           |            | Có thể đăng ký nhập học mới (chuyển cơ sở) |

## 1 9 Thời gian nhận quyết định nhập học

Về nguyên tắc, quyết định nhập học sẽ được quyết định vào cuối năm.

Tuy nhiên, nếu điều kiện sinh con hoặc hợp đồng làm việc có thời hạn kết thúc trong giữa năm, quyết định cũng được đưa ra cho đến giữa năm.

Ngoài ra, đơn đăng ký phải được nộp hàng năm.

## 2 0 Thay đổi hoàn cảnh gia đình sau khi nhập học

Sau khi có quyết định nhập học nếu thành phần hộ gia đình có thay đổi về tiền thuế so với điều kiện nhập học trước đó, hãy nộp đơn xin thay đổi giấy chứng nhận phúc lợi giáo dục trẻ em cho trường mẫu giáo.

- (1) Ly hôn, kết hôn, sống cùng ông bà, sống riêng, nghỉ hưu, nghỉ việc, những thay đổi về điều chỉnh thuế của thành phố cũng thay đổi phí giữ trẻ, Vui lòng nộp đơn càng sớm càng tốt vì điều này sẽ ảnh hưởng đến việc thay đổi phí giữ trẻ và con bạn có thể đăng ký vào trường mẫu giáo hay không.
- (2) Về nguyên tắc, phí giữ trẻ sẽ được xem xét lại từ tháng tiếp theo sau khi nộp đơn.
- (3) Trường hợp không còn đáp ứng đủ điều kiện nhập học, trẻ sẽ bị nghỉ học, vì vậy hãy tìm hiểu kỹ trước khi nộp đơn.

## 2 1 Các hạng mục chú ý khác

### (1) Khi có sự thay đổi về nội dung đăng ký

Trường hợp có sự thay đổi về nội dung của giấy xác minh, vui lòng gửi lại giấy xác minh một lần nữa.

### (2) Trường hợp đơn đăng ký có nội dung không đúng sự thật

Hơn nữa, trẻ em trong độ tuổi điều kiện đi học phải được nhập học, chúng tôi sẽ tiến hành khảo sát thực tế trong suốt cả năm, nếu các điều kiện làm việc thực tế không đảm bảo con bạn sẽ phải nghỉ học.

Chúng tôi rất mong bạn thấu hiểu và thông cảm cho hình thức quản lý các trường mẫu giáo.

### (3) Những trường hợp cần chăm sóc đặc biệt

Thành phố Toyota, đã và đang thiết lập các tiêu chuẩn về phân bổ nhân sự phù hợp như đã được ghi trên 16. chỉ tiêu lượng em (P20) dựa trên phân bổ hỗ trợ phù hợp cho các hoạt động, ảnh hưởng trực tiếp đến chăm trẻ, như cơ sở vật chất, trang thiết bị.

Trường hợp phân bổ nhân sự xác định không đảm bảo an toàn ảnh hưởng đến việc trông trẻ, chúng tôi sẽ không đáp ứng yêu cầu đưa ra.

Ngoài ra, ngay cả khi chúng tôi có thể chăm sóc con bạn dựa trên sự phân bổ nhân sự quy định, chúng tôi có thể yêu cầu phụ huynh hỗ trợ bằng nhiều cách khác nhau.

Việc ưu tiên đảm bảo an toàn việc chăm sóc trẻ em được đặt lên hàng đầu, vì vậy chúng tôi rất mong được sự thông cảm của bạn.

## 2 2 Đối tượng trẻ em được học tập và chăm sóc tại trường mầm non của Thành phố Toyota

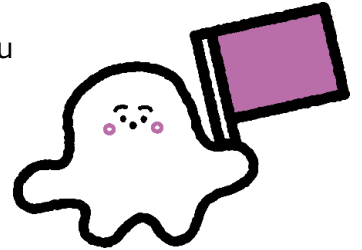
"Để hiểu đầy đủ mục đích của khái quát giáo dục mẫu giáo, hướng dẫn chăm sóc trẻ tại trường mầm non, trung tâm giáo dục chăm sóc trẻ em được hợp tác tư thực được chứng nhận chăm sóc trẻ em, Dựa trên sự tăng trưởng và phát triển trẻ em của Thành phố Toyota và khu vực địa phương, dựa trên lập trường cơ bản về việc chăm sóc trẻ em thông qua môi trường sống, chúng tôi đã đề ra chỉ tiêu chăm sóc như 「hình tượng trẻ hướng tới」・「mục tiêu giáo dục」 để trau dồi nền tảng kỹ năng sống của trẻ em.

### ◆ Hình tượng trẻ hướng tới

- Duy trì sự sống và ổn định cảm xúc cho trẻ bằng cách đáp ứng các nhu cầu khác nhau của trẻ

trong môi trường được chăm sóc kỹ lưỡng và trong bầu không khí thoải mái.

- trẻ biết yêu thương tin tưởng và chơi cùng với bạn.
- trẻ em thân thiết với môi trường xung quanh suy nghĩ các ý tưởng.



### ◆ Mục tiêu giáo dục

- Tạo mối quan hệ tin cậy với trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ và hướng tới sự tin tưởng về mặt cảm xúc.
- Nuôi dưỡng những thói quen sống cơ bản cần thiết, sống lành mạnh và an toàn, đồng thời nuôi dưỡng nền tảng của một tinh thần và cơ thể khỏe mạnh.
- Tạo dựng mối quan hệ với mọi người, xây dựng phát triển tình yêu và sự tin tưởng ở trẻ, đồng thời bồi dưỡng sự hình thành đạo đức, sống độc lập và thái độ hợp tác.
- Nuôi dưỡng trẻ gần với tự nhiên, quan tâm tới xã hội xung quanh và trái tim giàu lòng nhân ái yêu thương.
- Tạo sự yêu thích quan tâm ngôn ngữ trong cuộc sống hàng ngày và nuôi dưỡng trẻ có thái độ tích cực sẵn sàng lắng nghe.
- Nuôi dưỡng những cảm xúc phong phú thông qua những trải nghiệm đa dạng và thúc đẩy khả năng sáng tạo
- Lấy việc chia sẻ niềm vui nuôi dạy con với phụ huynh làm trụ cột hỗ trợ, hướng tới việc xây dựng mối quan hệ cha mẹ-con cái ổn định và nâng cao năng lực nuôi dạy con, cung cấp tư vấn, lời khuyên và mẫu hành vi dựa trên đặc điểm của trường và chuyên môn về chăm sóc trẻ.
- Nuôi dưỡng tâm hồn biết công nhận và tôn trọng sự khác biệt cá nhân và đa dạng của mỗi người thông qua cuộc sống chung.

## 2 3 Những câu hỏi thường gặp

**(1) Tôi dự định chuyển đến Thành phố Toyota, nhưng tôi có thể đăng ký học mà không cần cư trú không?**  
Không.

Mặc dù bạn không có địa chỉ ở thành phố toyota nhưng bạn vẫn có thể đăng ký nếu bạn đã có kế hoạch chuyển về thành phố sinh sống. Tuy nhiên, việc nhập học không thể thực hiện nếu thủ tục chuyển địa chỉ không hoàn thành trước ngày nhập học. hãy liên hệ với trung tâm chăm sóc và quản lý trẻ em ngay khi bạn nhập địa chỉ về thành phố toyota. Hơn nữa, phải lưu ý rằng việc nhập học có liên quan tới kỳ hạn nhập địa chỉ mới về thành phố của bạn.

**(2) Phí giữ trẻ có được miễn phí cho các gia đình chỉ có cha hoặc mẹ không?**

Không.

lý do bố hoặc mẹ đơn thân sẽ không được miễn phí.

Vui lòng tham khảo "7 Phí Giữ Trẻ cho Trường Mẫu giáo (P12)" và "8 Phương pháp Tính Phí Giữ Trẻ Cơ Bản (P14)".

**(3) Có thể tham quan trường mầm non không?**

Có.

Có thể tham quan trường mầm non được, tuy nhiên là phải liên lạc trước với trường.

(tùy thuộc vào tình hình tại trường, cũng có thời điểm không thể tham quan được).

Ngoài ra, thông qua chế độ là "Childcare Plaza", là nơi mở cửa cho trẻ em chưa học mẫu giáo thăm quan. liên hệ trước với trường để biết được lịch tham quan.

**(4) Có thể chọn trường mẫu giáo không ?**

Không.

Bạn có thể đăng ký vào bất kỳ trường mẫu giáo nào ở Thành phố Toyota, bất kể chánh nào. Bạn có thể chọn trường mẫu giáo trên đường bạn đi làm, hoặc gần nơi bạn làm việc.

**(5) Có thể chuyển trường được không ?**

Có.

Sau khi nhập trường bạn có thể đăng ký. Sau khi đảm bảo được nơi nhận, con bạn sẽ được chuyển trường. Tuy nhiên, bạn không thể chuyển trường cho con khi bạn đang đi tìm việc làm hoặc bạn đang nghỉ chế độ thai sản chăm con (điều kiện độ tuổi đi học bắt buộc).

**(6) Chăm sóc trẻ trẻ thích nghi với môi trường nhà trẻ ( trẻ được chăm sóc thời gian ngắn hơn bình thường để thích nghi với môi trường mẫu giáo.)**

Có.

Có thể bắt đầu nhập học và làm quen trong 5 ngày vào các ngày trong tuần trước ngày phụ huynh bắt đầu đi làm (khi phát sinh yêu cầu nhập học). Tuy nhiên thời gian này sẽ khác nhau tùy thuộc vào tình trạng của trẻ và gia đình, vì vậy hãy trao đổi với nhà trường trong buổi phỏng vấn. Ngoài ra, Thời gian học làm quen với trường" ngày bắt đầu = ngày nhập học và phí giữ trẻ sẽ phát sinh. (ví dụ: phụ huynh bắt đầu làm việc từ ngày 1 tháng 9, tuần cuối cùng của tháng 8 là thời gian cho con tới trường để làm quen với môi trường ở mẫu giáo ⇒ nộp đơn xin đăng ký cho con đến tháng 8 ) Hơn nữa, nếu Bạn có nguyện vọng gửi con vào giữa tháng 3, vui lòng nộp đơn xin nhập học vào giữa tháng Ba và đồng thời nộp đơn xin nhập học lần đầu.

**(7) Trường hợp con (nghỉ học) vào giữa tháng, phí giữ trẻ có được tính hàng ngày không?**

Có.

Cách tính phí theo ngày, Ngoài phí giữ trẻ cơ bản, mức giá hàng ngày được tính cho phí giữ trẻ vào gửi sớm, đón muộn, và các ngày thứ bảy.

Phí giữ trẻ cơ bản được tính từ sau lễ nhập học đến trước lễ tốt nghiệp và rời.

Phí giữ trẻ sáng sớm, đón muộn và thứ bảy sẽ được tính theo tỷ lệ nhập học sau ngày sau lễ nhập học và rời trường trước ngày trước lễ tốt nghiệp.

Tuy nhiên, về việc rút đơn xin nghỉ học, cần phải nộp đơn xin rút hồ sơ cho con ít nhất phải trước 15 ngày kể từ ngày nhập học.

Nếu không nộp hồ sơ, viện tính phí ngày có thể không thực hiện được.

Ngoài ra, Nếu bạn vào trường mẫu giáo trước một ngày trước lễ khai giảng hoặc rời trường mẫu giáo sau một ngày sau lễ tốt nghiệp thì việc tính phí sẽ không được tính theo ngày.

**(8) Kể từ khi tôi xây nhà, tôi đã nộp tờ khai thuế và thuế công dân của tôi đã được giảm do khấu trừ thế chấp vay nợ, thì phí giữ trẻ có được giảm không?**

Không. Phí chăm sóc trẻ em sẽ không được giảm.

Khấu trừ thuế đặc biệt đối với khoản vay mua nhà (khấu trừ khoản vay thế chấp) Phí giữ trẻ sẽ không thuộc đối tượng khấu trừ, việc tính phí sẽ được xác định bởi thuế thành phố trước khi khấu trừ. Các khoản khấu trừ và tín dụng thuế nước ngoài cũng được xác định bởi thuế thành phố trước khi khấu trừ.

**(9) Nếu trường nghỉ học, nếu có thể đăng ký thời gian gửi ngoài giờ trông trẻ không ?**

Không.

Nếu bạn vắng mặt trong một tháng liên tiếp, hoặc nếu bạn vắng mặt phần lớn các ngày kể từ ngày bắt đầu của mỗi tháng trong ba tháng liên tiếp, bạn sẽ bị cho thôi học.

Ngoài ra, trong các khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 4 đến ngày trước lễ nhập học, từ ngày 21 đến ngày 31 tháng 7, từ ngày 1 đến ngày 31 tháng 8, và từ ngày sau lễ tốt nghiệp đến ngày 31 tháng 3, nếu không sử dụng dịch vụ giữ trẻ trong kỳ nghỉ xuân hoặc kỳ nghỉ hè, hoặc trong trường hợp thành phố công nhận là có lý do bất khả kháng như nhập viện hoặc bị cấm đến cơ sở do bệnh truyền nhiễm, hoặc các lý do khác được thành phố chấp thuận, thì các ngày đó sẽ không tính vào số ngày quy định nêu trên.

## ( 1 0 ) Nếu con tôi không đi học mẫu giáo thì phí giữ trẻ có được giảm không?

Không.

Về nguyên tắc, phí giữ trẻ sẽ được tính, ngoại trừ trong thời gian chăm sóc trẻ trong kỳ nghỉ xuân và hè. Tuy nhiên, trong các trường hợp sau đây, có thể giảm học phí dựa trên đơn xin giảm học phí của phụ huynh.

- Nếu trẻ không thể đến trường mẫu giáo từ ngày đầu tiên đến ngày cuối cùng của tháng do chấn thương, bệnh tật hoặc thiên tai.
- Trường hợp trẻ được bác sĩ xác nhận cần luôn luôn cần chăm sóc y tế, và người giám hộ luôn đồng hành cùng trẻ trong suốt thời gian hoạt động ở trường.
- Khi thu nhập của người giám hộ giảm.
  - ※A: Thu nhập bình quân tháng dựa trên cơ sở tính toán của năm
  - B: Thu nhập bình quân tháng của tính toán năm tiếp theo
  - C: Thu nhập bình quân tháng dựa trên cơ sở 3 tháng gần nhấtNó được áp dụng so sánh số tiền A và B hoặc C cao hơn và ít hơn một nửa thu nhập trung bình hàng tháng (A) tính toán trong năm.
- Trường hợp vắng mặt tại trường mầm non do học song song tại Trung tâm Phát triển Trẻ em Toyota.
  - ※(1) Nếu số ngày đi học tại trường mầm non chiếm 60% số ngày mở cửa của trường, mức miễn giảm tối đa là 50%
  - (2) Nếu số ngày đi học tại trường mầm non chiếm 40% số ngày mở cửa của trường, mức miễn giảm tối đa là 70%
- Nếu nơi ở của bạn bị thiên tai phát sinh mất mát tài sản, tài sản cố định của bạn bị mất giá trị.

## ( 1 1 ) Nếu con tôi vào học tại trường mẫu giáo liên kết có chứng nhận thì có khác gì so với trường mẫu giáo không?

### ア Về việc tiếp nhận hồ sơ nhập học

|                                                     |                                                                                      |                                                                          |
|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| Trường mẫu giáo liên kết được chứng nhận 3 ~ 5 tuổi | Loại hình mẫu giáo cũ<br>Loại hình trường mầm non cũ (đối tượng trẻ từ 3 đến 5 tuổi) | Nhập học được thành phố thực hiện.<br>Nhập học sẽ được trường thực hiện. |
|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|

\* Các trường mẫu giáo Ryujin, Unebe, Tsutsumi, Sueno, Takemura và Takane không yêu cầu điều kiện nhập học cho trẻ 3 tuổi.

### イ Về mức phí giữ trẻ

Phí giữ trẻ cơ bản giống như đối với trẻ em từ 0 ~ 5 tuổi.

Tuy nhiên, đặc biệt, có thể dựa trên chi phí thực tế (phí bảo trì cơ sở, chi phí giáo dục cụ thể cho trường mẫu giáo, v.v.). có thể được thu riêng.

### ウ Về việc chăm sóc trẻ em vào sáng sớm, đón muộn và thứ bảy, và chăm sóc trẻ em kỳ nghỉ xuân và hè

Nó không thể được sử dụng nếu không có nhu cầu chăm sóc trẻ em (chứng nhận số 1, nghỉ chăm sóc trẻ em).

Nếu không có nhu cầu cần thiết chăm sóc con tại nhà trẻ thì cũng không được gửi con (chứng nhận số 1, nghỉ thai sản chăm sóc trẻ em).

### エ Hình thức thanh toán phí giữ trẻ

Mỗi trường mẫu giáo thu một khoản phí giữ trẻ. Do đó, phương thức thanh toán sẽ do trường chỉ định, vì vậy vui lòng liên hệ trực tiếp với trường.

### オ Ngày nghỉ định kỳ

Nó không thể được sử dụng nếu không có nhu cầu chăm sóc trẻ em (chứng nhận số 1, nghỉ chăm sóc trẻ em).

### カ Giáo dục và chăm sóc trẻ em

Đối với trẻ 3 ~ 5 tuổi, giáo dục và chăm sóc trẻ em được cung cấp dựa trên chính sách của từng trường mẫu giáo.



**( 1 2 ) Đối tượng giáo dục mầm non miễn phí chỉ dành cho trẻ em mẫu giáo?**

Không.

Các trường mẫu giáo tư thực, trường mẫu giáo liên kết được chứng nhận, các cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc trẻ em ( các cơ sở quy mô nhỏ chăm sóc trẻ em, các cơ sở kinh doanh chăm sóc trẻ em tại chỗ), những cơ sở không có giấy phép kinh doanh, (Bao gồm các doanh nghiệp loại hình chăm sóc trẻ em, công ty có dịch vụ giữ trẻ tại chỗ, các trường hợp ngoại lệ), cơ sở kinh doanh chăm sóc trẻ em tạm thời, kinh doanh chăm sóc trẻ em bị bệnh, trung tâm Family Support, cơ sở chăm sóc trẻ khuyết tật cũng thuộc đối tượng được chăm sóc trẻ em miễn phí."

Tuy nhiên, Nếu không đủ điều kiện nhập học, cũng có thể bạn không thuộc đối tượng được miễn phí. Ngoài ra, có một phần số tiền tối đa giới hạn trên.

Trường hợp bạn được miễn phí, bạn sẽ cần phải có chứng nhận trước khi con bạn nhập trường. Vui lòng kiểm xem trên trang web của thành phố để biết chi tiết.

〈Trang web thành phố: Liên kết giáo dục mầm non và chăm sóc trẻ em miễn phí〉

<https://www.city.toyota.aichi.jp/kurashi/kosodateshien/azukari/1032240.html>



**( 1 3 ) Khi chọn được trường mẫu giáo, phụ huynh muốn biết chính sách chăm sóc trẻ em, nội dung hoạt động, đồ đạc mang theo, đồng phục vv của các trường, và có tài liệu nào không?**

Có.

Chúng tôi đã đặt tài rơi của từng trường mầm non ở sảnh của bộ phận chăm sóc trẻ em.

Bất cứ ai cũng có thể kiểm tra, vì vậy xin vui lòng xem thông tin.

Ngoài ra, bạn cũng có thể xem các trường công lập được đánh dấu trên trang web của Thành phố Toyota.

〈Link hướng dẫn nhập học trang chủ thành phố〉

<https://www.city.toyota.aichi.jp/kurashi/kosodateshien/azukari/hoiku/1050501.html>



**( 1 4 ) Có lệ phí nhập học không?**

Không.

Nếu thành phố nhận hướng dẫn nhận nhập học, thì không có phát sinh phí nhập học.

Ngoài ra, Vui lòng liên hệ trực tiếp với trường mẫu giáo để biết trường mẫu giáo chấp nhận đơn nhập học của con bạn.



**( 1 5 ) Muốn đăng ký vào trường giữa trường, do vậy tôi muốn kiểm tra tìm hiểu các trường còn trống ở đâu đó không?**

Có.

Bạn có thể kiểm tra tình trạng trống chỗ trên ứng dụng từ trang web của Thành phố Toyota. Ngoài ra, thông tin được cập nhật vào khoảng ngày 15 hàng tháng.

〈Link của các trường mẫu giáo trang chủ thành phố〉

<http://www.city.toyota.aichi.jp/kurashi/kosodateshien/azukari/hoiku/1016125/1016130.html>



**( 1 6 ) Tôi đã nộp đơn xin nhập học qua đường bưu điện, nhưng các tài liệu thiếu sót đã bị trả lại. tôi sẽ gửi lại sau tuy nhiên đã quá kỳ hạn nhận đăng lý có được không?**

Không.

Trong kỳ hạn nộp hồ sơ, buu kiện của bạn không đến phòng giáo dục trẻ em, thì hồ sơ của bạn không được chấp nhận.

**( 1 7 ) Nếu đơn đăng ký gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận Chăm sóc Trẻ em trước ngày bắt đầu chấp nhận hồ sơ, vậy đơn đăng ký được chấp nhận không?**

Không.

(16) Tương tự như, nếu bạn không nộp đơn với bộ phận chăm sóc trẻ em trong thời gian quy định, đơn của bạn không được chấp nhận.

**( 1 8 ) Nguyên vọng vào trường mẫu giáo có số đơn đăng ký ít thì ưu tiên theo thứ tự sẽ cao hơn đúng không?**

Không.

Số lượng nguyên vọng đăng ký vào trường mẫu giáo không ảnh hưởng đến mức độ ưu tiên. Bạn có thể đăng ký tối đa 5 trường trong phạm vi trường mẫu giáo mong muốn của bạn. Bạn không nhất thiết phải điền tất cả 5 lựa chọn.

**( 1 9 ) Có thể đăng ký mới cho con trong thời gian nghỉ thai sản chăm con không?**

Đối với trẻ muốn nhập học mới và thuộc độ tuổi bắt buộc theo quy định, không thể nhập học mới với lý do làm việc trong thời gian cha hoặc mẹ đang nghỉ chế độ nuôi con. Trường hợp muốn nhập học mới với lý do đi làm, thì phụ huynh bắt buộc phải quay lại làm việc sau khi hoàn thành giai đoạn làm quen (5 ngày trong tuần). Nếu bị phát hiện sau khi kết thúc giai đoạn làm quen mà phụ huynh vẫn tiếp tục nghỉ chế độ nuôi con, thì trẻ sẽ bị buộc phải nghỉ học tại thời điểm phát hiện.

Ngoài ra, đối với trẻ muốn nhập học mới không thuộc độ tuổi bắt buộc, vẫn có thể đăng ký nhập học mới ngay cả khi cha hoặc mẹ đang trong thời gian nghỉ chế độ nuôi con.

**( 2 0 ) Nếu nộp các giấy tờ chứng minh trong điều kiện nhập học bị trùng lặp (xem P3),  
Con tôi có thuận lợi cho việc nhập học vào trường không?  
Ngoài ra, Cách tính điểm được tính như thế nào tại thời điểm điều chỉnh xét tuyển?**

Trong trường hợp có nhiều điều kiện nhập học được áp dụng, việc nộp tất cả các tài liệu liên quan là một lợi thế.

Tại thời điểm điều chỉnh nhập học, điểm số sẽ được điều chỉnh dựa trên tổng số của tất cả các tài liệu đã được gửi. nhưng điều kiện chỉ áp dụng mức điểm tối đa là điểm cao nhất.

(ví dụ

Trường hợp nộp Giấy chứng nhận làm việc theo điều kiện A (làm việc từ 60 giờ đến dưới 80 giờ mỗi tháng, đã qua 3 tháng kể từ ngày bắt đầu làm việc) và Giấy chứng nhận chăm sóc/điều dưỡng theo điều kiện D (có nhu cầu chăm sóc)

- ① Tính điểm cao nhất trong hạng mục công việc bên ngoài: (40 điểm cho từ 160 giờ trở lên mỗi tháng) + (điểm cộng cho đã làm việc được 3 tháng kể từ ngày bắt đầu) = 44 điểm
- ② Điểm của Giấy chứng nhận làm việc = (28 điểm cho từ 60 giờ đến dưới 80 giờ mỗi tháng) + (điểm cộng cho đã làm việc được 3 tháng kể từ ngày bắt đầu) = 32 điểm
- ③ Tính điểm cao nhất trong hạng mục điều dưỡng (36 điểm điều kiện cho điều dưỡng liên tục) = 36 điểm
- ④ Số điểm được tính khi có giấy chứng nhận y tế (yêu cầu chăm sóc điều dưỡng) (28 điểm cho điều kiện cần chăm sóc điều dưỡng) = 28 điểm

Số điểm tối đa:      ① 44 điểm > ③ 36 điểm

Tổng số điểm chỉ tiêu của tài liệu hướng dẫn: ② 32 điểm + ④ 28 điểm = ⑤ 60 điểm

Số điểm tối đa là 44 điểm, vì vậy trong trường hợp này, thay vì thực hiện điều chỉnh ở mức 60 điểm, chúng tôi sẽ thực hiện điều chỉnh ở mức 44 điểm. )



## 2 4 Danh sách các trường mẫu giáo (theo thứ tự bảng chữ cái theo khu vực)

| Quận   | No | Tên trường         | Vị trí hiện tại                            | Điện thoại<br>(0565) | Độ tuổi được đi học                 | Điều kiện nhập<br>học phải trong<br>độ tuổi đi học | thời gian giữ trẻ                                                                                    | Dịch vụ<br>trông trẻ<br>ngày thứ 7 | Dịch vụ<br>trông trẻ<br>các kỳ nghỉ<br>xuân, hè | Giấy phép<br>vv |
|--------|----|--------------------|--------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------|
| Toyota | 1  | Asahi              | Nichinan-cho 5-15-2                        | 32-2212              | lớp từ 3 đến 5tuổi                  | trẻ 3 tuổi                                         | sáng từ 8:30 đến<br>5 giờ chiều                                                                      | —                                  | ○                                               | 公幼              |
|        | 2  | Itsutsugaoka Daiwa | Itsutsugaoka 2-19-1                        | 88-1237              | ※ lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>2 tuổi | 0-2 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 認(幼)            |
|        | 3  | Inoue              | Inoue-cho 9-60-1                           | 45-5010              | ※ lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>2 tuổi | 0-2 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 認(幼)            |
|        | 4  | Ibo                | Homi-cho Gendobo 28                        | 48-8188              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 公保              |
|        | 5  | Ibobara            | Oshimizu-cho<br>Minamizaki 1-280           | 31-3340              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 私保              |
|        | 6  | Ima                | Ima-cho 7-50-2                             | 28-2285              | lớp từ 3 đến 5tuổi                  | trẻ 3 tuổi                                         | sáng 8 :00 đến<br>4:00 giờ chiều                                                                     | đến 12<br>trưa                     | ○                                               | 公保              |
|        | 7  | Unebe              | Unebe Nishimachi<br>Isegami 1-1            | 21-0405              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-2 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 認(こ)            |
|        | 8  | Umetsubo           | Umetsubo-cho 1-14-1                        | 32-2057              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 公保              |
|        | 9  | Eishin             | Ekaku Shinmachi 5-193                      | 29-0732              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>6:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 公保              |
|        | 10 | Obata              | Sasabara-cho Katasaka<br>40-6              | 48-8288              | lớp từ 3 đến 5tuổi                  | —                                                  | sáng 8 :00 đến<br>4:00 giờ chiều                                                                     | đến 12<br>trưa                     | ○                                               | 公保              |
|        | 11 | Obayashi           | Obayashi-cho14-11-13                       | 28-0012              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 公保              |
|        | 12 | Kamigo             | Kamigo-cho Goshita 15                      | 21-1830              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>6:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 公保              |
|        | 13 | Kami-Takimi        | Kamitaka-cho Furujiro<br>344-2             | 41-2219              | lớp từ 3 đến 5tuổi                  | —                                                  | sáng 8 :00 đến<br>4:00 giờ chiều                                                                     | đến 12<br>trưa                     | ○                                               | 公保              |
|        | 14 | Kids house Toyota  | Nishimachi 1-76                            | 36-5025              | ※ lớp từ 6 tháng tuổi<br>tới 2 tuổi | tuổi đi học                                        | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 小規模             |
|        | 15 | Koshido            | Koshido-cho Matsuba<br>52-2                | 45-1073              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 公保              |
|        | 16 | Kojima             | Kanaya-cho 7-30                            | 32-2281              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 私保              |
|        | 17 | Komaba             | Komaba-cho Shinsei 69                      | 57-2413              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 公保              |
|        | 18 | Koromo             | Koromo-cho 5-58                            | 32-0199              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>6:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 公保              |
|        | 19 | Koromo Rutel       | Sakuramachi 1-79                           | 32-1764              | ※ lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>2 tuổi | 0-2 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 認(幼)            |
|        | 20 | Jyoko              | Miyamachi 3-64                             | 32-3635              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 私保              |
|        | 21 | Jyosui Hikari      | Jyosui-cho Minamidaira<br>101              | 63-5680              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 認(こ)            |
|        | 22 | Jyosui Matsumoto   | Jyosui-cho Minamidaira<br>100              | 45-6884              | ※ lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>2 tuổi | 0-2 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 認(幼)            |
|        | 23 | Sueno              | Oshikamo-cho Kutebata<br>227               | 28-2403              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-2 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 認(こ)            |
|        | 24 | Sumiyoshi          | Sumiyoshi-cho 1-6-3                        | 52-3807              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>6:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 公保              |
|        | 25 | Seisho             | Asahigaoka 6-41                            | 34-0065              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 認(こ)            |
|        | 26 | Daini-Ibobara      | Oizumi-cho Harayama<br>108-7               | 85-0160              | ※ lớp từ 6 tháng tuổi<br>tới 2 tuổi | tuổi đi học                                        | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 私保              |
|        | 27 | Daini-Seisho       | Asahigaoka 6-45                            | 35-0015              | ※ lớp từ 6 tháng tuổi<br>tới 2 tuổi | tuổi đi học                                        | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 認(こ)            |
|        | 28 | Daini-Wakaba       | Wakabayashi<br>Higashimachi<br>Agarido13-3 | 41-7830              | ※ lớp từ 6 tháng tuổi<br>tới 2 tuổi | tuổi đi học                                        | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 私保              |
|        | 29 | Takane             | Kazue-cho Toride 167                       | 21-0404              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-2 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 認(こ)            |
|        | 30 | Takahashi          | Mizuma-cho 4-155-1                         | 88-8088              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>6 :00 giờ chiều                                                                     | ○                                  | ○                                               | 公保              |
|        | 31 | Takahara           | Takahara-cho 5-73-2                        | 34-5141              | ※ lớp từ 6 tháng tuổi<br>tới 2 tuổi | tuổi đi học                                        | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 私保              |
|        | 32 | Takami             | Wakabayashi<br>Nishimachi Nagane 64        | 52-3706              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>6:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 公保              |
|        | 33 | Takemura           | Nakamachi Kyozyuka 4                       | 52-8508              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-2 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 認(こ)            |
|        | 34 | Chuo               | Shigo-cho Yamahata<br>78-2                 | 45-0066              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>6:00 giờ chiều<br>(※Đối với dịch vụ<br>giữ trẻ thứ Bảy: từ 8<br>giờ 30 đến 17 giờ ) | ○                                  | ○                                               | 私保              |
|        | 35 | Tsutsumi           | Honda-cho Honda 1                          | 52-3053              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-2 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 認(こ)            |
|        | 36 | Tsutsumigaoka      | Tsutsumi-cho Dosen 65                      | 52-0166              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>6:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 公保              |
|        | 37 | Terabe             | Ueno-cho 1-173                             | 80-2194              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>6:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 公保              |
|        | 38 | Tokai              | Kamiike-cho 2-1236                         | 88-0599              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều                                                                      | ○                                  | ○                                               | 認(こ)            |
|        | 39 | Dojiyama           | Kosaka-cho 16-51                           | 32-3566              | lớp từ 4 đến 5tuổi                  | —                                                  | sáng 8:30 đến<br>3 :00 giờ chiều                                                                     | —                                  | —                                               | 公幼              |

| Quận   | No | Tên trường                                   | Vị trí hiện tại                                   | Điện thoại<br>(0565) | Độ tuổi được đi học                 | Điều kiện nhập<br>học phải trong<br>độ tuổi đi học | thời gian giữ trẻ                  | Dịch vụ<br>trông trẻ<br>ngày thứ 7 | Dịch vụ<br>trông trẻ<br>các kỳ nghỉ lễ<br>xuân, hè | Giấy phép<br>v.v |
|--------|----|----------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------|
|        | 40 | Tosei                                        | Nishi Hirose-cho<br>Shimizu 30                    | 41-2550              | lớp từ 3 đến 5tuổi                  | —                                                  | sáng 8 :00 đến<br>4:00 giờ chiều   | đến 12<br>trưa                     | ○                                                  | 公保               |
| Toyota | 41 | Togari                                       | Togari-cho 3-98                                   | 28-8300              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 公保               |
|        | 42 | Toyota                                       | Suigen-cho 1-1-1                                  | 28-2198              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>6:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 公保               |
|        | 43 | Toyota Seirei                                | Seishin-cho 4-10-6                                | 28-2178              | ※ lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>2 tuổi | 0-2 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 認(幼)             |
|        | 44 | Toyota Daiwa Kids                            | Ima-cho 1-6-2                                     | 27-5678              | ※ lớp từ 6 tháng tuổi<br>tới 2 tuổi | tuổi đi học                                        | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 私保               |
|        | 45 | Toyota<br>Higashigaoka                       | Horai-cho 4-758-274                               | 89-7570              | ※ lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>2 tuổi | 0-2 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 認(幼)             |
|        | 46 | Nursery House                                | Hirashiba-cho 2-2-5                               | 77-6406              | trẻ từ 4 tháng tuổi<br>đến 2 tuổi   | tuổi đi học                                        | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 小規模              |
|        | 47 | Nakagane                                     | Shiromi-cho Sudaguchi<br>6                        | 41-2238              | lớp từ 3 đến 5tuổi                  | —                                                  | sáng 8 :00 đến<br>4:00 giờ chiều   | đến 12<br>trưa                     | ○                                                  | 公保               |
|        | 48 | Nakaneyama                                   | Takaoka Honmachi<br>Futaba 60                     | 52-3029              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>6:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 公保               |
|        | 49 | Nagoya Ryujo<br>Tankidaigakuhuzoku<br>Toyota | Ichigi-cho 3-19-7                                 | 80-0198              | ※ lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>2 tuổi | 0-2 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 認(幼)             |
|        | 50 | Negawa                                       | Shimobayashi-cho 7-41                             | 32-1082              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>6:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 公保               |
|        | 51 | Nomi                                         | Misato 5-19                                       | 80-0650              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng từ 7:30 đến<br>6:00 giờ chiều | ○                                  | ○                                                  | 公保               |
|        | 52 | Hananousagi                                  | Maebayashi-chō Kyōzukan<br>(chưa xác định số nhà) | 0566-95-<br>0230     | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-2 tuổi                                           | sáng từ 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều | ○                                  | ○                                                  | 認(二)             |
|        | 53 | Hayashigaoka                                 | Obayashi-cho 10-15-2                              | 28-1074              | ※ lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>2 tuổi | 0-2 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều    | tới 6 giờ chiều                    | ○                                                  | 認(幼)             |
|        | 54 | Higashihirose                                | Higashi Hirose-cho<br>Kurayashiki 19-1            | 41-2112              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-2 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>6:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 公保               |
|        | 55 | Higashi Homi                                 | Homigaoka 4-6-1                                   | 48-2221              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 認(二)             |
|        | 56 | Higashiyama                                  | Shibuya-cho 3-978-36                              | 80-6074              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 公保               |
|        | 57 | Hikari                                       | Yanami-cho Otsubo<br>901-2                        | 80-2280              | lớp từ 3 đến 5tuổi                  | —                                                  | sáng 8 :00 đến<br>4:00 giờ chiều   | đến 12<br>trưa                     | ○                                                  | 公保               |
|        | 58 | Hinatabokko                                  | Wakamiya-cho 2-70                                 | 34-5008              | ※ lớp từ 6 tháng tuổi<br>tới 2 tuổi | tuổi đi học                                        | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 事業所              |
|        | 59 | Hirai                                        | Dodo-cho 4-20                                     | 80-2193              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 公保               |
|        | 60 | Hirayama                                     | Hirayama-cho 1-10-1                               | 28-6187              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>6:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 公保               |
|        | 61 | Hirosawa                                     | Maigi-cho Yakiyama<br>1102-23                     | 44-0288              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>6:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 公保               |
|        | 62 | Fujiyabu                                     | Hoei-cho 3-120                                    | 28-4717              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>6:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 公保               |
|        | 63 | Homigaoka                                    | Homigaoka 5-1-1                                   | 48-1500              | ※ lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>2 tuổi | 0-2 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 認(幼)             |
|        | 64 | Honji                                        | Honji-cho 2-51-1                                  | 27-2662              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 公保               |
|        | 65 | Masutomi                                     | Shiga-cho Midaira 77-1                            | 80-0365              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>6:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 公保               |
|        | 66 | Matsudaira                                   | Kugyudaira-cho Yanaba<br>52                       | 58-0070              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>6:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 公保               |
|        | 67 | Maruyama                                     | Maruyama-cho 3-30                                 | 28-0744              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 認(二)             |
|        | 68 | Mizuho                                       | Mizuho-cho 2-5                                    | 32-7380              | lớp từ 4 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 認(二)             |
|        | 69 | Mifune                                       | Mifune-cho Yamayashiki<br>78-30                   | 45-1215              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>6:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 公保               |
|        | 70 | Miyaguchi                                    | Miyaguchi-cho 2-50                                | 32-6727              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>6:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 公保               |
|        | 71 | Miyama                                       | Miyama-cho 4-47-1                                 | 41-8812              | ※ lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>2 tuổi | 0-2 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 認(幼)             |
|        | 72 | Miru Miru-En                                 | Kyomachi 4-3-9                                    | 31-5875              | ※ lớp từ 6 tháng tuổi<br>tới 2 tuổi | tuổi đi học                                        | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 事業所              |
|        | 73 | Miwa                                         | Dodo-cho 9-43                                     | 88-2230              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>6:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 公保               |
|        | 74 | Mori-no-Hikari                               | Oshimizu-cho Oshimizu<br>100-1                    | 45-9966              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 認(二)             |
|        | 75 | Yamanote                                     | Yamanote 1-78-1                                   | 28-1101              | lớp từ 4 đến 5tuổi                  | —                                                  | sáng 8:30 đến<br>3 :00 giờ chiều   | —                                  | —                                                  | 公幼               |
|        | 76 | Ryujin                                       | Ryujin-cho Jinden 60                              | 28-8200              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-2 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 認(二)             |
|        | 77 | Wakasono                                     | Nakane-cho Nagaike<br>192-18                      | 52-3820              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 公保               |
|        | 78 | Wakaba                                       | Wakabayashi<br>Higashimachi<br>Kamisetone 86-2    | 52-1838              | lớp từ 4 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>7:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 私保               |
|        | 79 | Wakabayashi                                  | Wakabayashi<br>Higashimachi<br>Higashiyama 47-1   | 52-8350              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | 0-3 tuổi                                           | sáng 7:30 đến<br>6:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 公保               |
|        | 80 | Wakamiya                                     | Wakamiya-cho 6-2-5                                | 32-3200              | lớp từ 6 tháng tuổi tới<br>5 tuổi   | tuổi đi học                                        | sáng 7:30 đến<br>6:00 giờ chiều    | ○                                  | ○                                                  | 公保               |

| Quận       | No | Tên trường         | Vị trí hiện tại                      | Điện thoại (0565) | Độ tuổi được đi học              | Điều kiện nhập học phải trong độ tuổi đi học | thời gian giữ trẻ             | Dịch vụ trông trẻ ngày thứ 7 | Dịch vụ trông trẻ các kỳ nghỉ lễ xuân, hè | Giấy phép v.v |
|------------|----|--------------------|--------------------------------------|-------------------|----------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------|---------------|
| Fujioka    | 81 | Iino               | Fujioka Iino-cho Deguchi 1122        | 76-2667           | trẻ từ 5 tháng - 5 tuổi          | tuổi đi học                                  | sáng 7:30 đến 7:00 giờ chiều  | ○                            | ○                                         | 公保            |
|            | 82 | Ishidatami         | Shirakawa-cho One 1271-1             | 76-1998           | lớp từ 6 tháng tuổi tới 5 tuổi   | 0-3 tuổi                                     | sáng 7:30 đến 6:00 giờ chiều  | ○                            | ○                                         | 公保            |
|            | 83 | Kise               | Kise-cho Hamaiba 248-1               | 76-1765           | lớp từ 3 đến 5 tuổi              | —                                            | sáng 8 :00 đến 4:00 giờ chiều | đến 12 trưa                  | ○                                         | 公保            |
|            | 84 | Nakayama           | Nishi Nakayama-cho Kurayashiki 136-1 | 76-4436           | lớp từ 6 tháng tuổi tới 5 tuổi   | 0-3 tuổi                                     | sáng 7:30 đến 7:00 giờ chiều  | ○                            | ○                                         | 公保            |
|            | 85 | Nakayama Matsumoto | Nishinakayama-cho Ushiroda 93-6      | 76-3033           | ※ lớp từ 6 tháng tuổi tới 2 tuổi | 0-2 tuổi                                     | sáng 7:30 đến 7:00 giờ chiều  | ○                            | ○                                         | 認(幼)          |
| Obara      | 86 | Okusa              | Obara-cho Kitabora 268-2             | 65-2045           | lớp từ 6 tháng tuổi tới 5 tuổi   | 0-2 tuổi                                     | sáng 7:30 đến 6:00 giờ chiều  | ○                            | ○                                         | 公保            |
|            | 87 | Doji               | Okabayashi-cho Shimodachi 122-1      | 65-2733           | lớp từ 3 đến 5 tuổi              | —                                            | sáng 8 :00 đến 4:00 giờ chiều | đến 12 trưa                  | ○                                         | 公保            |
| Asuke      | 88 | Asuke Momiji       | Yagami-cho Yanase 25-1               | 62-0685           | lớp từ 6 tháng tuổi tới 5 tuổi   | 0-2 tuổi                                     | sáng 7:30 đến 7:00 giờ chiều  | ○                            | ○                                         | 公保            |
|            | 89 | Okura              | Okura-cho Honjo 13-1                 |                   | lớp từ 3 đến 5 tuổi              | —                                            | sáng 8 :00 đến 4:00 giờ chiều | đến 12 trưa                  | ○                                         | 公保            |
|            | 90 | Norisada           | Norisada-cho Maeda 5                 | 63-2051           | lớp từ 3 đến 5 tuổi              | —                                            | sáng 8 :00 đến 4:00 giờ chiều | đến 12 trưa                  | ○                                         | 公保            |
|            | 91 | Hieda              | Hieda-cho Kamihieda 38               | 63-2310           | lớp từ 3 đến 5 tuổi              | —                                            | sáng 8 :00 đến 4:00 giờ chiều | đến 12 trưa                  | ○                                         | 公保            |
| Shimo yama | 92 | Onuma              | Onuma-cho Funahashi 21               | 90-3021           | lớp từ 6 tháng tuổi tới 5 tuổi   | 0-2 tuổi                                     | sáng 7:30 đến 6:00 giờ chiều  | ○                            | ○                                         | 公保            |
|            | 93 | Tobu               | Habu-cho Kawai 23-2                  | 90-3173           | lớp từ 3 đến 5 tuổi              | —                                            | sáng 7:30 đến 6:00 giờ chiều  | ○                            | ○                                         | 公保            |
| Asahi      | 94 | Odo                | Shimogiri-cho Shimogiri 10           |                   | lớp từ 3 đến 5 tuổi              | —                                            | sáng 8:30 đến 3 :00 giờ chiều | —                            | —                                         | 公幼            |
|            | 95 | Sugimoto           | Sugimoto-cho Sandonari 36            | 68-2701           | lớp từ 6 tháng tuổi tới 5 tuổi   | 0-2 tuổi                                     | sáng 7:30 đến 6:00 giờ chiều  | ○                            | ○                                         | 公保            |
| Ina bu     | 96 | Inabu              | Busetsumachi Jinden 96-1             | 82-2025           | lớp từ 6 tháng tuổi tới 5 tuổi   | 0-2 tuổi                                     | sáng 7:30 đến 6:00 giờ chiều  | ○                            | ○                                         | 公保            |

< những chú ý >

- (1) Tuổi được đến trường từ: 6 tháng ~ 2 tuổi \*.  
Trẻ em từ 3 ~ 5 tuổi là độ tuổi được đến trường, vui lòng liên hệ trực tiếp với trường mẫu giáo để được đăng ký
- (2) Thời gian chăm sóc trẻ em kỳ nghỉ xuân và kỳ nghỉ hè

|                              |                                                                                 |
|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| Chăm sóc trẻ em kỳ nghỉ xuân | Một ngày sau lễ tốt nghiệp ~ 31 tháng 3, 1 tháng 4 ~ một ngày trước lễ nhập học |
| Chăm sóc trẻ em mùa hè       | Ngày 21Tháng Bảy ~ Ngày 31Tháng Tám                                             |

- (3) Phân loại phê duyệt, v.v.

|                  |                                                                        |
|------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 公幼               | Trường mẫu giáo công lập (trường chủ yếu dành cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi) |
| 公保               | Trường mẫu giáo công lập (trường dành cho trẻ từ 0 đến 5 tuổi)         |
| 私保               | Trường mẫu giáo tư thực                                                |
| 認(こ)             | Loại hình mẫu giáo liên kết có chứng nhận (loại hình mẫu giáo cũ)      |
| 認(幼)             | Loại hình mẫu giáo liên kết có chứng nhận (loại hình mầm non cũ)       |
| Quy mô nhỏ       | Cơ sở chăm sóc trẻ em quy mô nhỏ                                       |
| Cơ sở kinh doanh | Trung tâm chăm sóc trẻ em tại nơi làm việc                             |

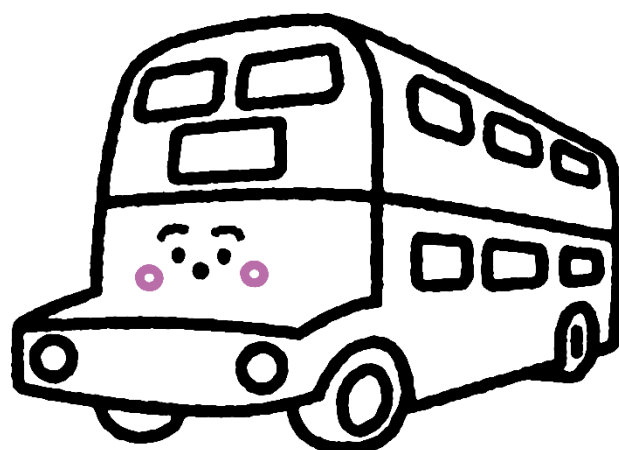
※ Vui lòng kiểm tra P1 để biết chi tiết.

- (4) Do các trường mầm non Ōkura, Odo, Ima, Dōji, Tōbu và Norisada sẽ tạm ngừng hoạt động trong năm học 2026, vui lòng liên hệ Phòng Chăm sóc Trẻ em để biết thêm thông tin chi tiết.
- (5) Kodomoen Hana no Usagi dự kiến sẽ được mở từ tháng 4 năm 2027 với tư cách là kodomoen được chứng nhận theo mô hình liên kết giữa mẫu giáo và nhà trẻ; tuy nhiên, do ảnh hưởng của tình hình xã hội và các yếu tố khác, việc hoàn thành cơ sở vật chất có thể bị chậm trễ, dẫn đến khả năng gặp khó khăn trong việc tiếp nhận trẻ.  
Vì vậy, việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký nhập học sẽ bắt đầu sau khi công tác chuẩn bị hoàn tất.  
※ Đối với người đăng ký ở đợt 1 của kỳ tuyển ban đầu, vui lòng kiểm tra mẫu đơn đăng ký; đối với người đăng ký ở đợt 2 của kỳ tuyển ban đầu và nhập học giữa năm, vui lòng kiểm tra trang web chính thức của thành phố, v.v.
- (6) Việc giữ trẻ vào thứ Bảy có thể được tổ chức chung với các trường mẫu giáo lân cận.  
Nếu chúng tôi thay đổi phương pháp thực hiện trong năm, chúng tôi sẽ liên hệ và giải thích với các bạn

## 2 5 Danh sách các trường mẫu giáo tư thực

Để biết thêm thông tin về các trường mẫu giáo tư thực, vui lòng liên hệ trực tiếp với trường.

| Phân loại                                                 | Tên trường mẫu giáo                    | Vị trí hiện tại                  | Điện thoại (0565) |
|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------|-------------------|
| Trường mẫu giáo trẻ em được chứng nhận (Loại mẫu giáo cũ) | Koromo Rutel                           | Sakuramachi 1-79                 | 32-1764           |
|                                                           | Toyota Seirei                          | Seishin-cho 4-10-6               | 28-2178           |
|                                                           | Homigaoka                              | Homigaoka 5-1-1                  | 48-1500           |
|                                                           | Inoue                                  | Inoue-cho 9-60-1                 | 45-5010           |
|                                                           | Nagoya Ryujo Tankidaigakuhuzoku Toyota | Ichigi-cho 3-19-7                | 80-0198           |
|                                                           | Josui Matsumoto                        | Josui-cho Minamidaira 100        | 45-6884           |
|                                                           | Itsutsugaoka Daiwa                     | Itsutsugaoka 2-19-1              | 88-1237           |
|                                                           | Nakayama Matsumoto                     | Nishi Nakayama-cho Ushiroda 93-6 | 76-3033           |
|                                                           | Hayashigaoka                           | Obayashi-cho 10-15-2             | 28-1074           |
|                                                           | Miyama                                 | Fukada-cho 4-7-4                 | 28-6181           |
|                                                           | Toyota Higashigaoka                    | Horai-cho 4-758-274              | 89-7570           |
| Mẫu giáo chuyển đổi hệ thống mới                          | Toyota Hoshigaoka                      | Nakada-cho Nishiyama 147         | 57-2846           |
|                                                           | Matsudaira Daiwa                       | Iwakura-cho Kakita 1-1           | 58-2327           |
|                                                           | Aoki                                   | Aoki-cho 2-56-2                  | 44-0188           |
|                                                           | Iino Hikari                            | Fujioka Iino-cho Ikeshita 1070-3 | 76-5550           |
|                                                           | Misato                                 | Misato 4-3-2                     | 89-1011           |
|                                                           | Hirashiba                              | Jinnaka-cho 1-13-1               | 32-3565           |
| Mẫu giáo chế độ cũ                                        | Mafumi                                 | Higashi Umetsubo-cho 3-5-1       | 31-7181           |
|                                                           | Toyota Daiwa                           | Ima-cho 1-19-1                   | 29-1237           |
|                                                           | Belle Toyota                           | Itsutsugaoka 7-27-2              | 88-2000           |
|                                                           | Toyota Hanazono                        | Hanazono-cho Shiokura 13-3       | 52-5072           |



## 2 6 Các dịch vụ khác về chăm sóc trẻ em

|                                                  | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                               | tóm tắt                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Ngày nghỉ của trường</b>                      | trường Mizuho<br>Trường Wakaba<br>Trường Ibobara<br>Trường Maruyama (Chỉ dành cho ngày lễ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                               | Đối với những ngày lịch đỏ và ngày chủ nhật, trường hợp không thể gửi con do phụ huynh phải đi làm vì vậy có thể sử dụng được. (tuy nhiên, trừ từ ngày 29 tháng 12 đến ngày 3 tháng một năm sau).<br>Vui lòng liên hệ với trường để đăng ký ít nhất trước 2 tuần.                              |
| <b>Chăm sóc trẻ tạm thời</b>                     | trường mầm non<br>Trường mẫu giáo liên kết được chứng nhận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                              | Có thể sử dụng trường mầm non khi phụ huynh tạm thời không thể chăm sóc trẻ do bệnh tật, nhập viện, mệt mỏi vì nuôi con.                                                                                                                                                                       |
| <b>Chế độ “Mọi trẻ em đều có thể đến trường”</b> | Cơ sở tư thực                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Inoue Aoki<br>               | Đây là chế độ đến trường mới cho phép sử dụng dịch vụ linh hoạt tối đa theo số giờ quy định mỗi tháng, nhằm hỗ trợ sự phát triển của tất cả trẻ em, tạo môi trường nuôi dưỡng và giáo dục chất lượng cho trẻ.                                                                                  |
|                                                  | Cơ sở công lập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | AIAI Yu Yu trường Kamigo<br> | Đây là chế độ được vận hành thống nhất giữa “Chế độ mọi trẻ em đều có thể đến trường” và “Dịch vụ giữ trẻ tạm thời Plus”.                                                                                                                                                                      |
| <b>Chăm sóc trẻ em ốm đau</b>                    | Phòng khám trẻ em Sukusuku "Sukusuku no Mori"<br>Higashiyama-cho 2-2-9<br>TEL (0565)80-1633<br>Bệnh viện Toyota Kosei "Piyokko"<br>Josui-cho Ibobara 500-1<br>TEL (0565)43-5082<br>Bệnh viện Kỷ niệm Toyota "Pipo Land"<br>Để biết thêm chi tiết, vui lòng truy cập trang web của Bệnh viện kinen Toyota.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                            | Đối với trẻ bị bệnh hoặc chấn thương, cần nghỉ ngơi nên không thể tham gia sinh hoạt tập thể hoặc không thể đến trường, trong trường hợp cha mẹ không thể chăm sóc tại nhà vì lý do công việc hoặc lý do khác, trẻ sẽ được chăm sóc tạm thời tại phòng giữ trẻ chuyên biệt gắn với bệnh viện.  |
| <b>Kinh doanh chăm sóc trẻ em gia đình</b>       | trường mầm non Yamanote "Haguhagu"<br>Yamanote 1-78-1<br>TEL (0565)28-1105                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                               | Trẻ em từ 6 tháng tuổi ~ 2 tuổi đang chờ được nhận vào trường mẫu giáo trẻ em sẽ được chăm sóc bởi một người mẹ chăm sóc trẻ em có xác nhận của thành phố.<br>Thời gian sử dụng là cho đến khi bạn vào trường mẫu giáo.                                                                        |
| <b>Family Support Center</b>                     | Toyota Family Support Center<br>Wakamiyacho 1-57-1<br>Tòa nhà T-FACE 9F                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                               | Đây là một tổ chức thành viên nơi những người muốn giúp đỡ nuôi dạy trẻ em và những người muốn giúp đỡ lẫn nhau.<br>Chúng tôi sẽ hỗ trợ chăm sóc trẻ em, đưa đón trong thời gian khi phụ huynh nhập viện, hoặc đang bận tại địa điểm tổ chức các nghi lễ.                                      |
| <b>Cơ sở hỗ trợ nuôi dạy trẻ em</b>              | Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy Trẻ em Toyota "AIAI"<br>Wakamiyacho 1-57-1 Tòa nhà T-FACE 9F<br>TEL (0565)37-7071<br>Trung tâm trẻ em Shiga "Yu Yu"<br>Shiga-cho Kakurei 1-286<br>TEL (0565)80-1522<br>Trung tâm trẻ em Yanagawase "Nikoniko"<br>Unebe Higashimachi Senba 8-1<br>TEL (0565)25-0008<br>Trung tâm hỗ trợ chăm sóc trẻ em trong khu vực<br>Được lắp đặt trong các trường Ashisuke Momiji, Iino, Iho, Koshido, Tsutsumi, Watakari, Miyaguchi, Yamanote, Wakazono, Inatake, Okusa, Onuma và Sugimoto<br>Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Trẻ em Inoue "Hidamari" (Mô hình cơ sở tư nhân)<br>Inoue cho 9-60-1<br>TEL (0565)45-5010 |                                                                                                               | Chủ yếu là trẻ sơ sinh và trẻ từ 0 ~ 3 tuổi, cha mẹ các con đến trung tâm cùng với những người hỗ trợ nuôi dạy con, cùng chơi và trao đổi thông tin.<br>Chúng tôi tư vấn giúp đỡ về những vấn đề quan tâm của việc nuôi dạy trẻ và tổ chức các sự kiện cho phụ huynh và trẻ con cùng tham gia. |
| <b>Cơ sở chăm sóc trẻ em không có giấy phép</b>  | Vui lòng tham khảo trang web của thành phố "Danh sách các cơ sở chăm sóc trẻ em không có giấy phép".<br>《Trang web thành phố》<br><a href="https://www.city.toyota.aichi.jp/kurashi/kosodateshien/azukari/1003464/1003466/index.html">https://www.city.toyota.aichi.jp/kurashi/kosodateshien/azukari/1003464/1003466/index.html</a><br>                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                               | Đây là thuật ngữ chung để chỉ các cơ sở được thiết kế để chăm sóc trẻ sơ sinh hoặc trẻ nhỏ và không được thành phố cấp phép.<br>Trong số các cơ sở không có giấy phép, có các loại trung tâm chăm sóc trẻ em được chứng nhận bởi thành phố Toyota và các doanh nghiệp chăm sóc trẻ em.         |